

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thu Thủy

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thu Thủy

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thu Thủy

Mã SV: 1413401007

Lớp: QTL801K

Ngành: Kế toán-Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ;
 - ✓ Tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập ;
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn trong công tác hạch toán kế toán

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2015 tại Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thu Thủy

Th.S. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

Lời Mở Đầu	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1.Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2.1.Doanh thu.....	2
1.1.2.2.Chi phí.....	3
1.1.2.3.Xác Định Kết Quả Kinh Doanh.....	4
1.1.3.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.2.Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.2.1.1.Các phương thức tiêu thụ bán hàng.....	5
1.2.1.2.Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:	5
1.2.1.3.Chứng từ sử dụng	5
1.2.1.4.Tài khoản sử dụng	5
1.2.1.5.Phương thức hạch toán.....	6
1.2.2.1.Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho.....	8
1.2.2.3.Tài khoản sử dụng	9
1.2.2.4.Phương pháp hạch toán	10
1.2.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	11
1.2.3.1.Chứng từ sử dụng	11
1.2.3.2.Tài khoản sử dụng	12
1.2.3.3.Phương pháp hạch toán	12
1.2.4.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	14
1.2.4.1.Chứng từ sử dụng	14

1.2.4.2.Tài khoản sử dụng	14
1.2.4.3.Phương pháp hạch toán	15
1.2.5.Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác.	16
1.2.5.1.Chứng từ sử dụng	16
1.2.5.2.Tài khoản sử dụng	16
1.2.5.3.Phương pháp hạch toán	16
1.2.6.Kế toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh.....	18
1.2.6.1.Chứng từ sử dụng	18
1.2.6.2.Tài khoản sử dụng	18
1.2.6.3.Phương pháp hạch toán	19
1.2.7.Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán.....	19

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KHẨU VỊ GIA ĐÌNH..... 21

2.1.Tổng quan về công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình	21
2.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty	21
2.1.2.Ngành nghề kinh doanh	21
2.1.3.Chức năng nhiệm vụ của công ty	22
2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn của công ty.....	22
2.1.5.Cơ cấu tổ chức của công ty.....	23
2.1.6.Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	24
2.1.7.Chế độ và chính sách của công ty.....	24
2.2.Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.	26
2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty	26
2.2.1.1.Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	26
2.2.1.2.Quy trình hạch toán	26
2.2.1.3.Ví dụ thực tế tại công ty	26
2.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty	35
2.2.2.1.Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	35

2.2.2.2. Quy trình hạch toán	35
2.2.2.3. Ví dụ thực tế tại công ty	35
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	42
2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	42
2.2.3.2. Quy trình hạch toán	42
2.2.3.3. Ví dụ thực tế tại công ty	43
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty.	50
2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty ..	50
2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	50
2.2.4.3. Quy trình hạch toán	50
2.2.4.4. Ví dụ thực tế tại công ty	51
2.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác	56
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng và tài khoản ngân hàng	56
2.2.5.2. Quy trình hạch toán	56
2.2.5.3. Ví dụ thực tế tại công ty	56
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình	61
2.2.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	61
2.2.6.2. Quy trình hạch toán hạch toán	61
2.2.6.3. Ví dụ thực tế tại công ty	61

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KHẨU VỊ GIA ĐÌNH..... 69

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình	69
3.1.1. Ưu điểm công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.	69
3.1.2. Hạn chế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.	70
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.	71

3.2.1. Ý kiến thứ nhất : Công ty nên lập sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn của từng mặt hàng	71
3.2.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi	74
3.2.3. Ý kiến thứ ba: Xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán	74
3.2.4. Ý kiến thứ tư: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy	75
KẾT LUẬN	78

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CP	Chi phí
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
GVHB	Giá vốn hàng bán
HĐTC	Hoạt động tài chính
HĐBH	Hoạt động bán hàng
KC	Kết chuyển
NSNN	Ngân sách nhà nước
PC	Phiếu chi
PKT	Phiếu kế toán
PP	Phương pháp
PT	Phiếu thu
TGNH	Tiền gửi ngân hàng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TSCĐ	Tài sản cố định

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời buổi nền kinh tế hiện đại công nghiệp hóa- hiện đại hóa hiện nay thì sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là không thể tránh khỏi. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự chủ về kinh tế và tài chính mới có thể đứng vững trong nền kinh tế đầy biến động hiện nay. Có thể nói kế toán chính là cánh tay đắc lực trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức, đưa ra quyết định đúng đắn để giúp doanh nghiệp có những giải pháp tốt nhất về tình hình tài chính, nâng cao doanh thu, các loại chi phí sẽ giảm, tạo ra lợi nhuận lớn nhất cho doanh nghiệp.

Sau quá trình thực tập tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình, dưới sự giúp đỡ của các anh chị phòng Tài chính- Kế toán, cùng sự hướng dẫn của Ths Phạm Văn Tường, em đã quyết định đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thực phẩm khẩu vị gia đình” để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận bao gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thực phẩm khẩu vị gia đình.

Thời gian thực tập 6 tuần tại công ty không dài cũng không ngắn, nhưng đã giúp em nâng cao kiến thức chuyên môn và thực tế. Dù vậy do kinh nghiệm và kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn thiếu sót. Em mong thầy cô tận tình chỉ bảo và giúp đỡ em để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường sản xuất ra sản phẩm hàng hóa và bán được các sản phẩm đó trên thị trường là điều kiện kiên quyết cho sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp. Thông qua bán hàng ta có thể xác định được giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm đó hàng hóa đó được thực hiện, hàng hóa chuyển hình thái hiện vật sang hình thái giá trị (tiền tệ) hay còn gọi là doanh thu, giúp cho vòng luân chuyển vốn được hoàn thành, tăng hiệu quả sử dụng vốn được hoàn thành, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Điều này có ý nghĩa rất to lớn đối với nền kinh tế nói chung và đối với bản thân toàn doanh nghiệp nói riêng.

Đối với các doanh nghiệp thương mại thì doanh thu có ý nghĩa rất to lớn, có doanh thu mới có thể đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và bù đắp được chi phí đã bỏ ra không những thế nó còn phản ánh năng lực kinh doanh và vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung chủ yếu của công tác kế toán phản ánh hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Với ý nghĩa to lớn đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường áp dụng các biện pháp phù hợp với doanh nghiệp mà vẫn khoa học với chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Doanh thu

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác.

+) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hóa... bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Nó còn bao gồm các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của nhà nước, đối với một số hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ được nhà nước cho phép và giá trị của các sản phẩm hàng hóa đem biếu, tặng hoặc tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp.

+) Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu.

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sang chế, nhãn mác thương mại...)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán
- Thu nhập chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyên nhượng vốn

+) Thu nhập hoạt động khác: là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như thu từ việc bán vật tư, hàng hóa, tài sản, công cụ dụng cụ đã phân bổ hết... các khoản phải trả nhưng không cần trả, các khoản từ việc chuyển nhượng thanh lý tài sản, nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho...

1.1.2.2. Chi phí

- Chi phí là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể. Nói một cách khác hay theo phân loại của kế toán tài chính thì đó là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch... nhằm mua được các loại hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh. Như vậy có nhiều loại chi phí khác nhau.

+) Giá vốn: Giá vốn hàng bán là một trong những khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Muốn quản lý chặt chẽ và xác định đúng giá vốn thì trước hết doanh nghiệp phải nắm vững được hình thành của giá vốn

Sự hình thành trị giá vốn của hàng hóa được phân biệt ở các giai đoạn khác nhau trong sản xuất kinh doanh:

- Trị giá vốn của hàng hóa tại thời điểm mua hàng là số tiền thực tế phải trả cho người bán (còn gọi trị giá mua thực tế)
- Trị giá vốn thực tế của hàng mua nhập kho là trị giá mua thực tế của hàng hóa nhập kho
- Trị giá vốn của hàng xuất kho là trị giá mua thực tế của hàng mua và chi phí mua phân bổ cho hàng hóa xuất kho.

+) Chi phí hoạt động tài chính: phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí đi vay, chi phí liên quan đến vốn liên doanh, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, các khoản giao dịch về chứng khoán, các khoản lỗ về tỷ giá hối đoái.

+) Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, các chi phí về lương nhân viên quản lý, các chi phí về bảo hiểm. kinh phí công đoàn, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

+) Chi phí hoạt động khác: phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt so với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp khác gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài sản dài hạn khác
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác

1.1.2.3. Xác Định Kết Quả Kinh Doanh

Việc xác định kết quả kinh doanh là việc xác định khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu đạt được và tổng chi phí phải bỏ ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện bằng “lãi” hoặc “lỗ”.

Cách xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả bán hàng = Doanh thu bán hàng - Giá vốn hàng bán - CPBH, CPQLDN (phân bổ cho số hàng bán)
(Lãi thuần từ HĐBH)

Trong đó:

Doanh thu Bán hàng thuần = Tổng doanh thu Bán hàng - Các khoản giảm trừ doanh thu - Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp NSNN thuế GTGT phải nộp (áp dụng pp trực tiếp)

- Trường hợp lãi thuần từ HĐBH > 0: Doanh nghiệp có lãi (còn gọi là lợi nhuận trước thuế). Tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo công thức:

Lãi thuần từ HĐBH * Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
xác định lợi nhuận = Lợi nhuận trước thuế - thuế TNDN sau thuế

- Trường hợp lãi thuần từ HĐBH < 0: Doanh nghiệp bị lỗ sẽ không tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả bán hàng.
- Kiểm tra, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng tránh bị chiếm dụng vốn
- Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ
- Ghi chép, tính toán hạch toán chính xác chi phí phát sinh cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng
- Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ bán hàng

- Bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp: Căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận hàng vào hóa đơn bán hàng và hàng đó được xác nhận là tiêu thụ và được hạch toán vào doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất hàng gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Khi xuất hàng gửi đi bán thì hàng chưa được xác định tiêu thụ, tức là chưa được hạch toán vào doanh thu. Hàng gửi đi bán chỉ được hạch toán khi khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Bán hàng theo phương thức bán trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu tiền lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong trường hợp mua bán hàng. Phần trả lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

- Bán hàng theo phương thức đại lý: Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được các cơ sở đại lý thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu số hàng này.

- Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng: Theo phương thức này, doanh nghiệp đem sản phẩm vật tư hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường

1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

+) Chiết khấu thương mại: là khoản DN bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn

+) Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu

+) Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán đã xác định là bán hoàn thành bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

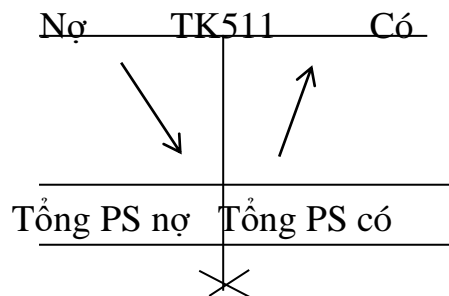
1.2.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có...
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết cấu tài khoản 511:



Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có.

Bên nợ: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm do: giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại

Bên có: Doanh thu bán hàng tăng do bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư.

- TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

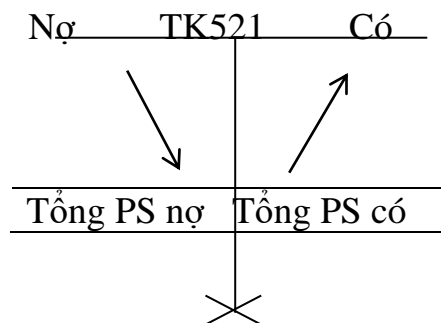
TK 521 bao gồm có 3 tài khoản cấp 2:

TK5211: Chiết khấu thương mại

TK5212: Hàng bán bị trả lại

TK5213: Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521:



Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có

Bên nợ:

- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào nợ phải thu của khách hàng.

- Các khoản giảm giá hàng bán

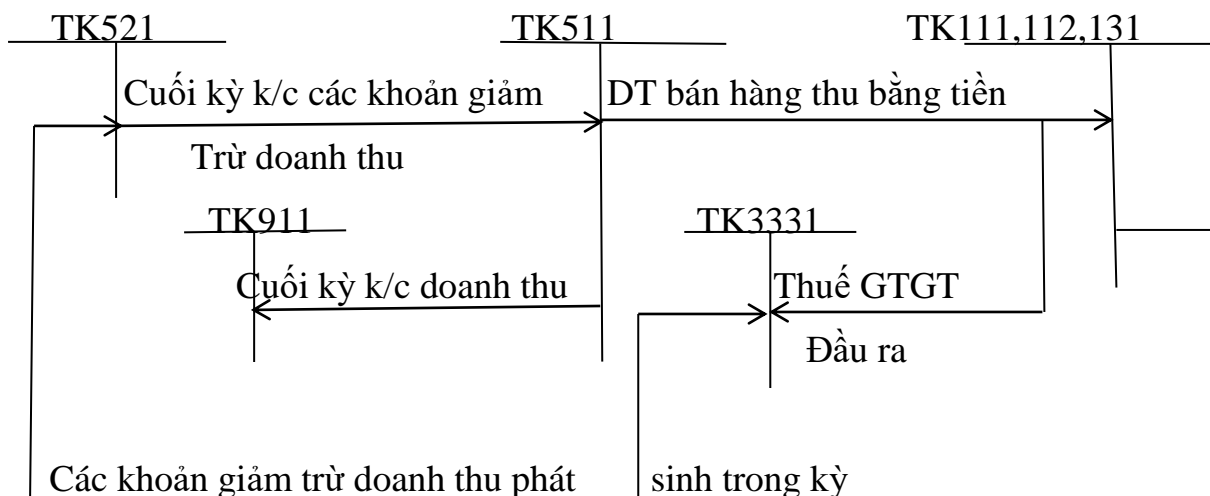
Bên có:

Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

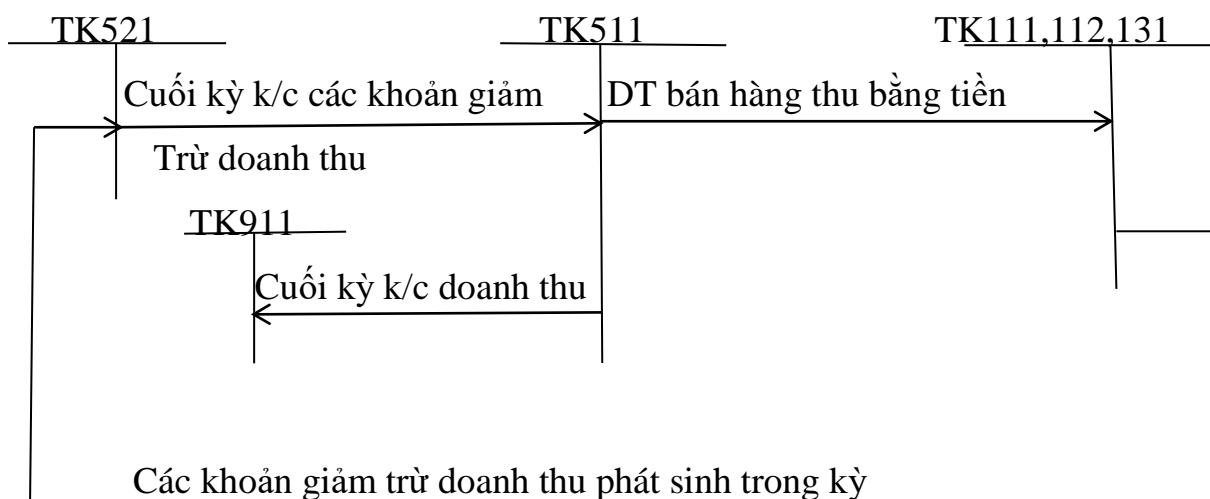
TK 521 không có số dư.

1.2.1.5. Phương thức hạch toán

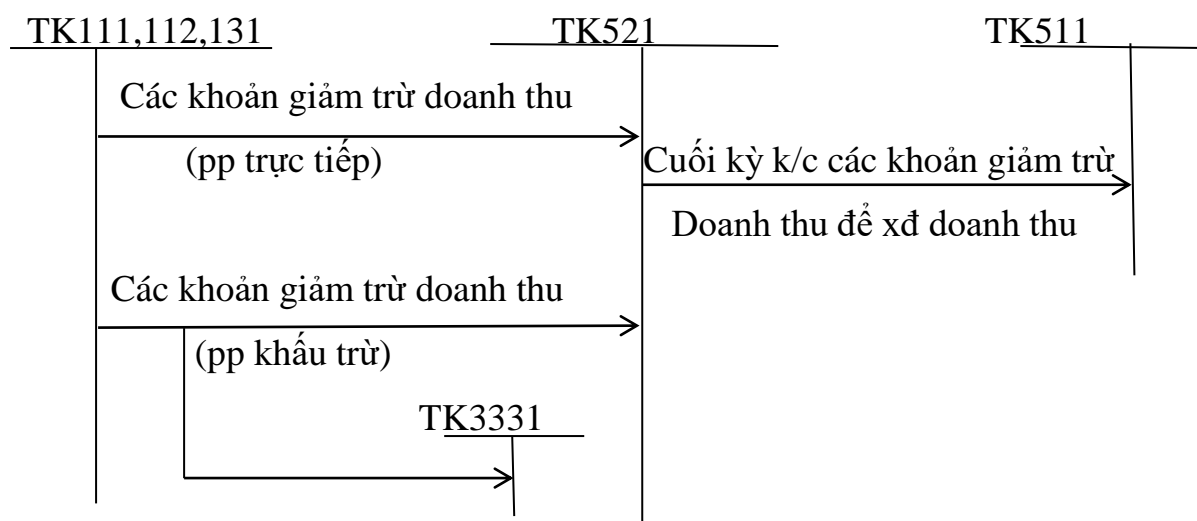
- Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Theo phương pháp khấu trừ



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Theo phương pháp trực tiếp



Sơ đồ 1.3: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

Hàng tồn kho thì chúng ta có các phương pháp tính giá trị hàng xuất kho như sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước – xuất trước
- Phương pháp nhập sau nhập sau – xuất trước
- Phương pháp tính theo giá đích danh

a) Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân gồm đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ, bình quân cuối kỳ trước, bình quân sau mỗi lần nhập.

Giá thực tế NVL, hàng hóa = Số lượng xuất dùng x Giá đơn vị bình quân

Giá đơn vị bình quân được xác định như sau:

- Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có số lần nhập, xuất mặt hàng nhiều, căn cứ vào giá thực tế tồn đầu kỳ để kế toán xác định giá bình quân của đơn vị sản phẩm hàng hóa

$$\text{Đơn giá bình quân của cả Kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn)
 - Ưu điểm: Phương pháp này khắc phục được nhược điểm của hai phương pháp trên, vừa chính xác vừa cập nhật thường xuyên liên tục.
 - Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần

$$\text{Đơn giá bình quân sau Mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế tồn đầu kho sau mỗi lần nhập}}$$

b) Phương pháp nhập trước – xuất trước

Theo phương pháp này hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu, hàng hóa mua vào trong kỳ. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- Ưu điểm: Có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tieps theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó.

- Nhược điểm: Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên.

c) Phương pháp nhập sau – xuất trước

Theo phương pháp này hàng hóa nào mua vào sau cùng sẽ được xuất trước. Phương pháp này ngược với phương pháp trên chỉ thích hợp với giai đoạn lạm phát.

- Ưu điểm: Với phương pháp này chi phí của lần mua gần nhất tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán.

- Nhược điểm: Trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

d) Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

- Ưu điểm: đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng với giá trị thực tế của nó.

- Nhược điểm: Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới áp dụng được phương pháp này. Đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

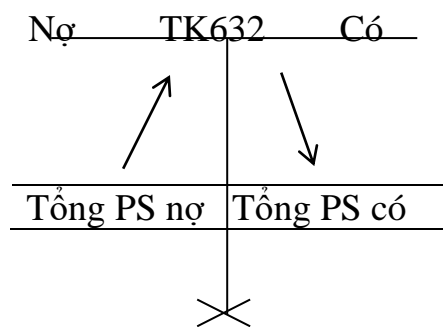
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

TK 632: Giá vốn hàng bán

Kết cấu tài khoản 632:



Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có

Bên nợ:

Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ

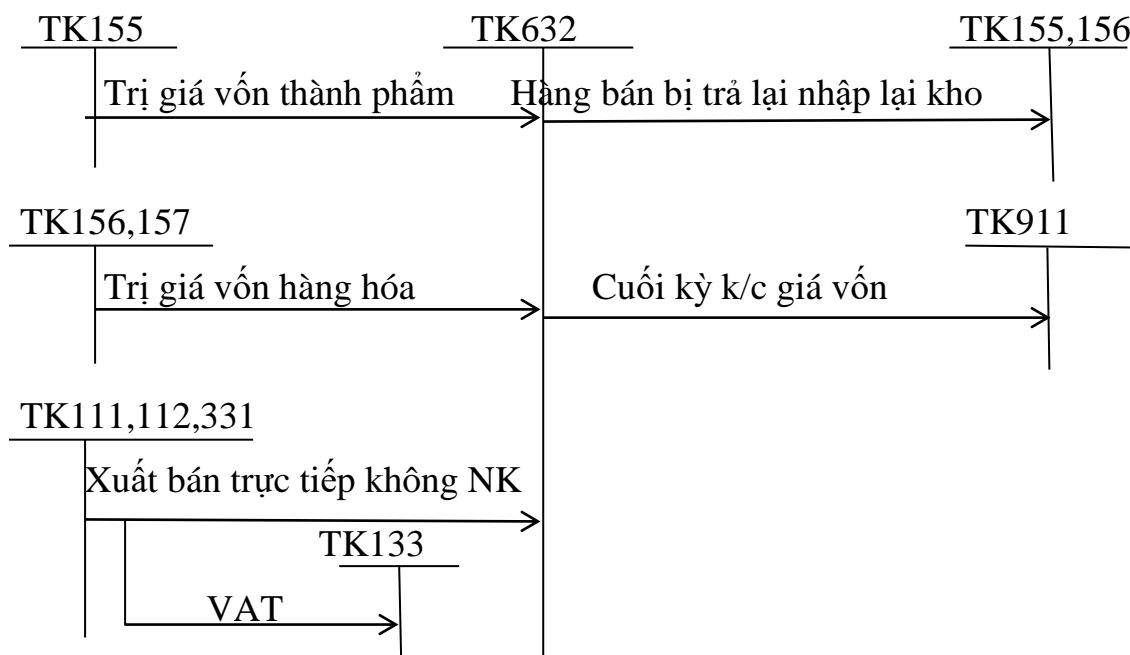
Bên có:

- Trị giá vốn của hàng hóa bị trả lại

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ sang tài khoản 911: xác định kết quả kinh doanh.

TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn hàng bán

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, bảng thanh toán hàng đại lý
- Thẻ quầy hàng, giấy nộp tiền, bảng kê nhận hàng và thanh toán hàng ngày

- Phiếu thu, giấy báo có
- Bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH, bảng phân bổ tiền lương – BHXH để phản ánh chi phí về nhân viên quản lý.
- Bảng phân bổ vật liệu – công cụ dụng cụ, phiếu xuất kho... để phản ánh chi phí về vật liệu, công cụ xuất dùng cho quản lý.
- Bảng trích khấu hao TSCĐ: để phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý
- Các hóa đơn dịch vụ, phiếu chi, giấy báo nợ... để phản ánh các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài hay chi khác bằng tiền
- Các chứng từ khác có liên quan

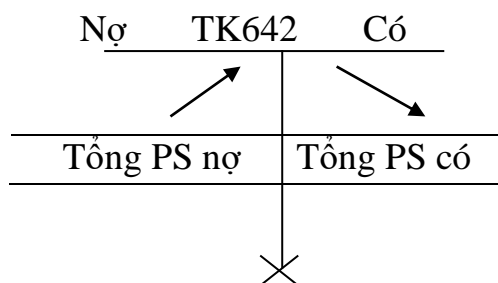
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm có 2 tài khoản cấp 2:

TK 6421: Chi phí bán hàng

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản 642



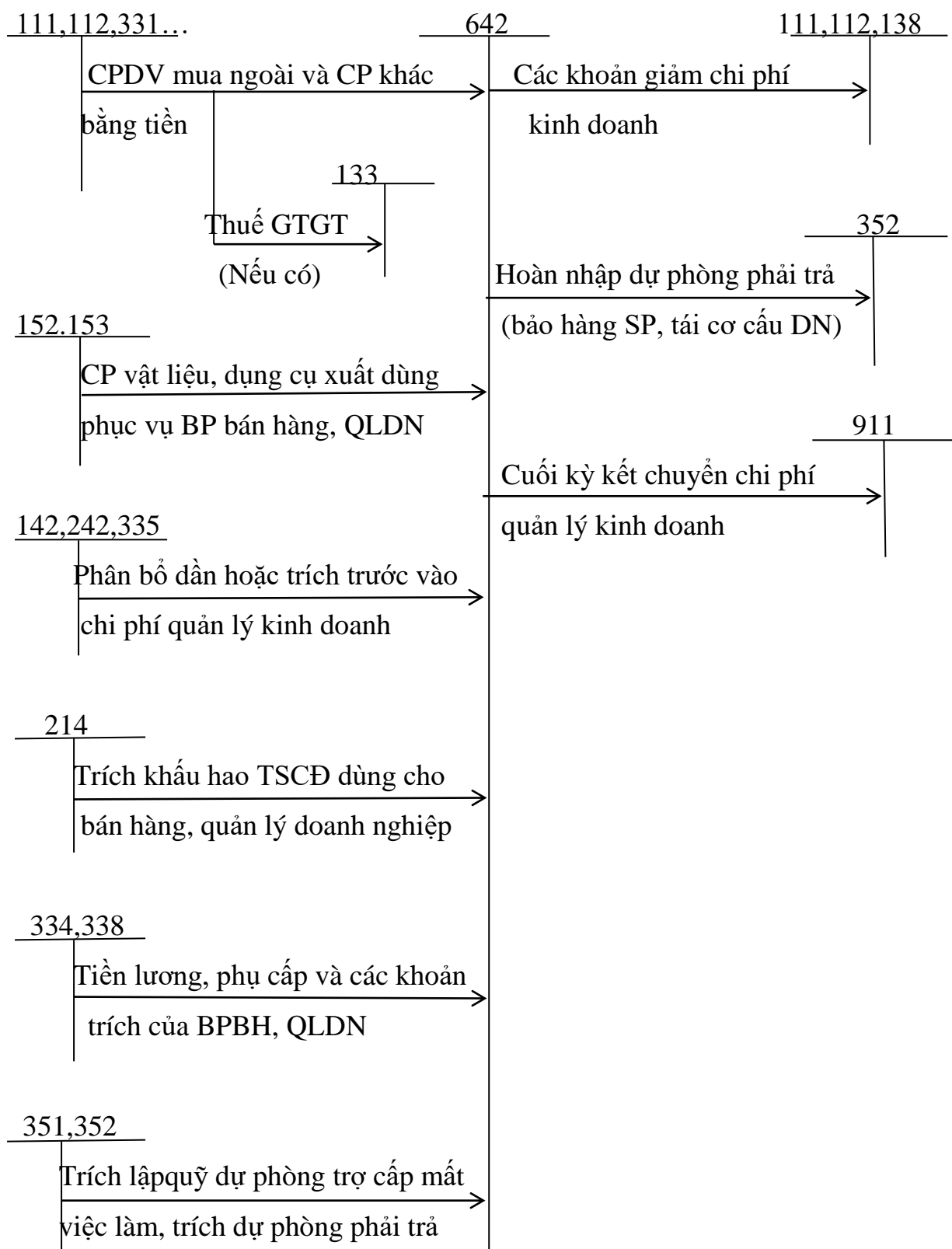
Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có

Bên nợ: Các khoản ghi tăng chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ

Bên có: Các chi phí giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ

TK642 không có số dư.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

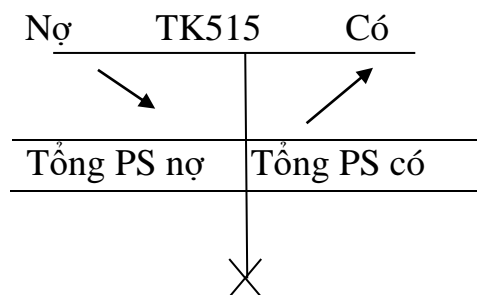
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- ❖ Doanh thu hoạt động tài chính
 - Phiếu thu
 - Giấy báo có
- ❖ Chi phí hoạt động tài chính
 - Phiếu chi
 - Giấy báo nợ

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515:



Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có.

Bên nợ:

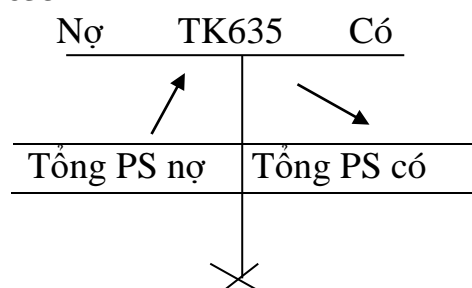
- Giảm do nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Bên có:

Tăng do nhượng bán từ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết... doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

TK 515 không có số dư cuối kỳ

- Kết cấu tài khoản 635



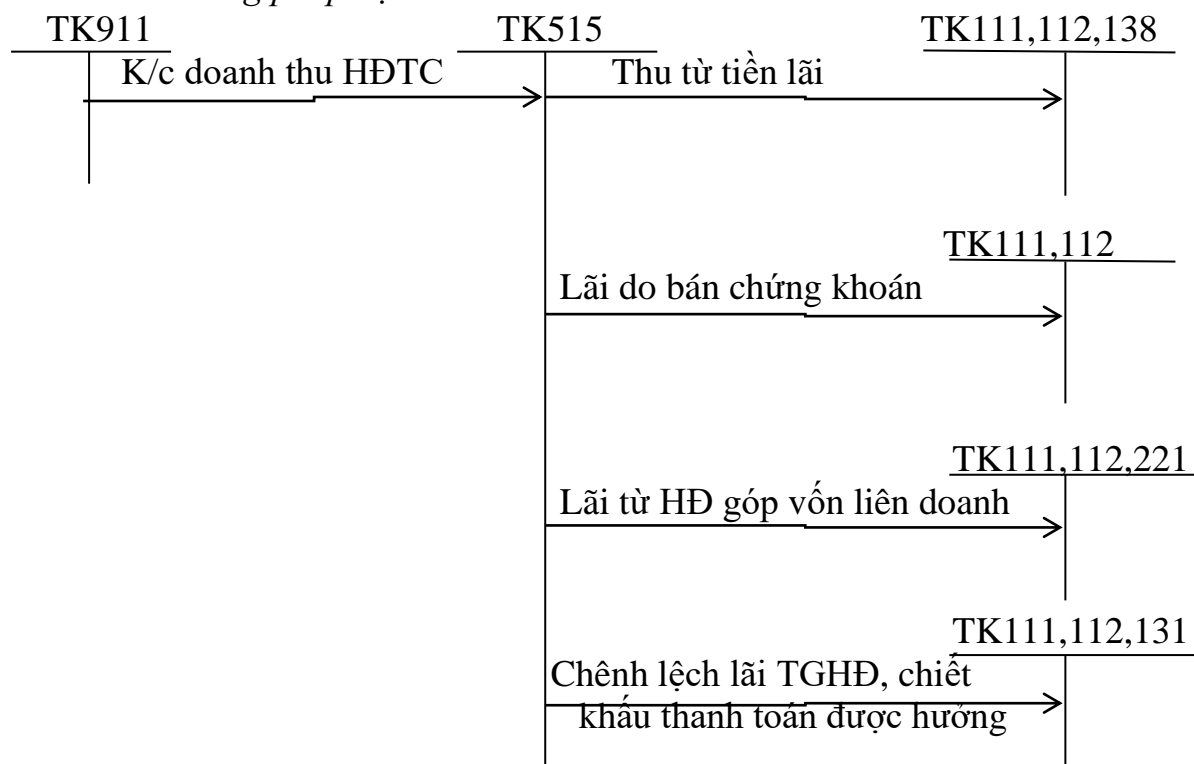
Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có

Bên nợ: Các chi phí lãi vay tiền, lãi mua hàng trả chậm, lỗ bán ngoại tệ, chiết khấu thanh toán cho người mua...

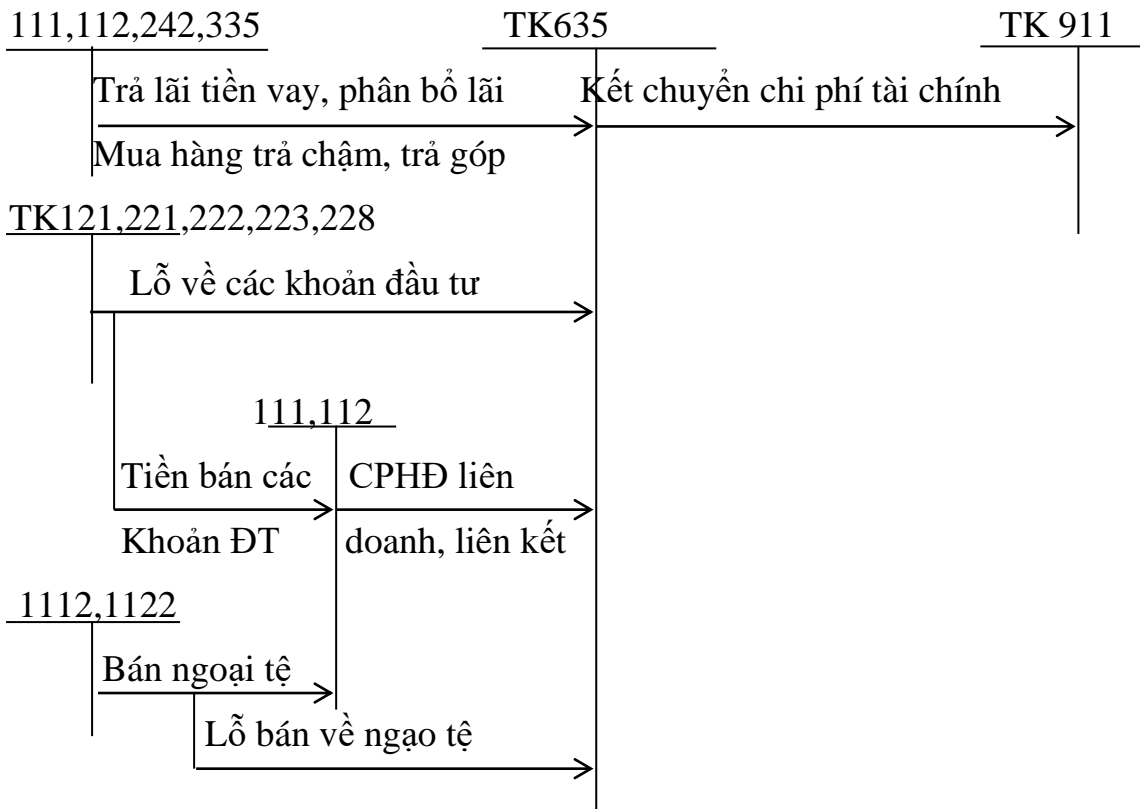
Bên có: Cuối kỳ kế toán năm kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác.

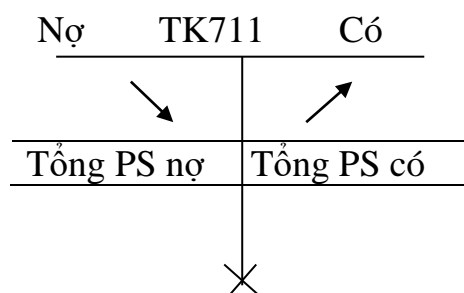
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT/Hóa đơn bán hàng
- Biên bản vi phạm hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng
- Quyết định thanh lý/nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- TK711: Thu nhập hoạt động khác

Kết cấu tài khoản 711



Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có

Bên nợ:

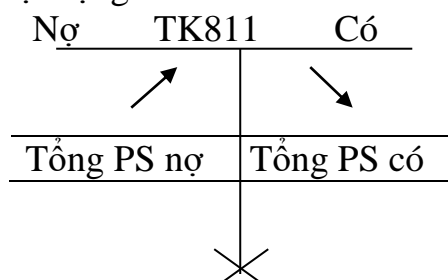
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911

Bên có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

TK 711 không có số dư cuối kỳ.

- TK811: Chi phí hoạt động khác



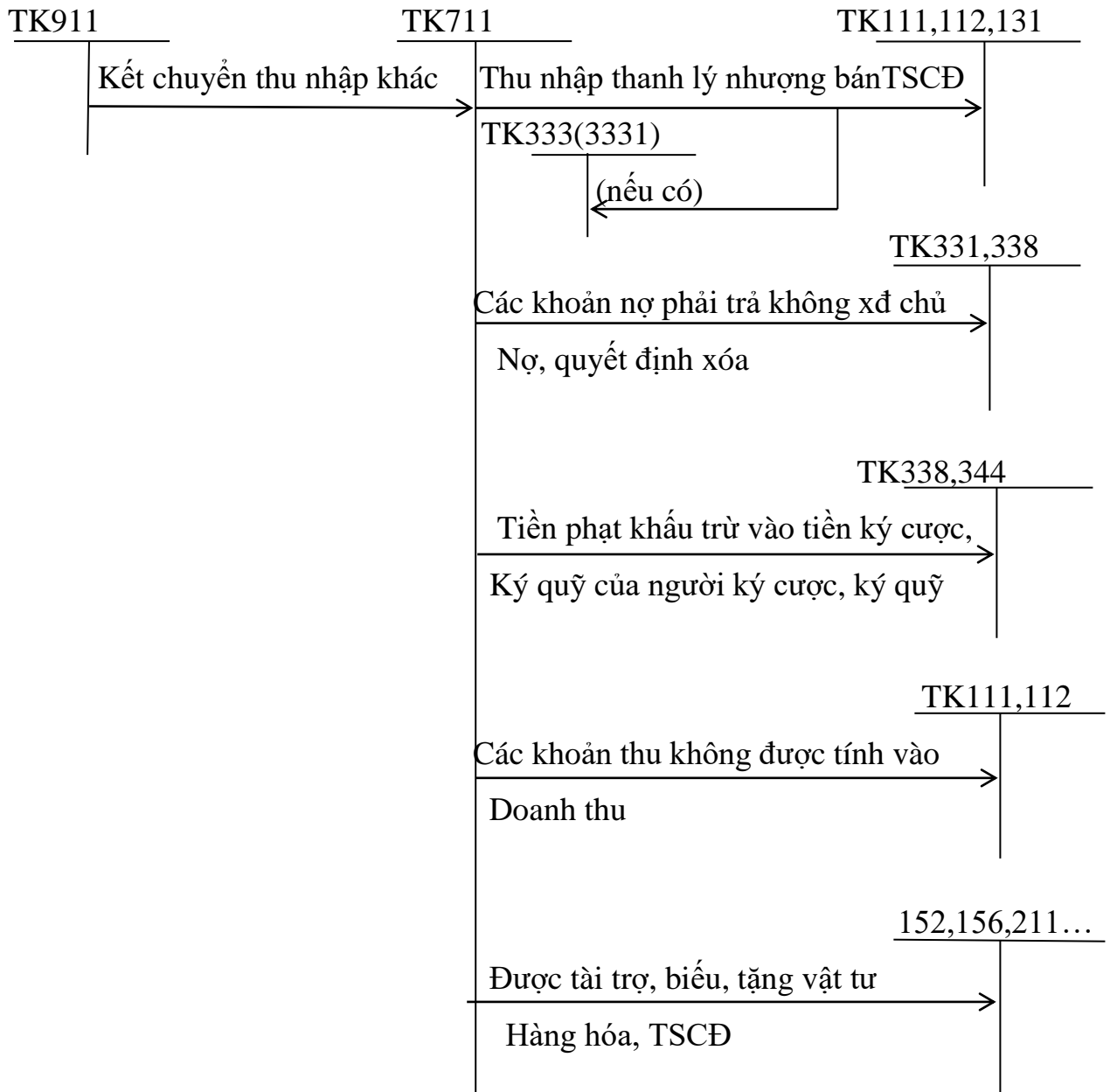
Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

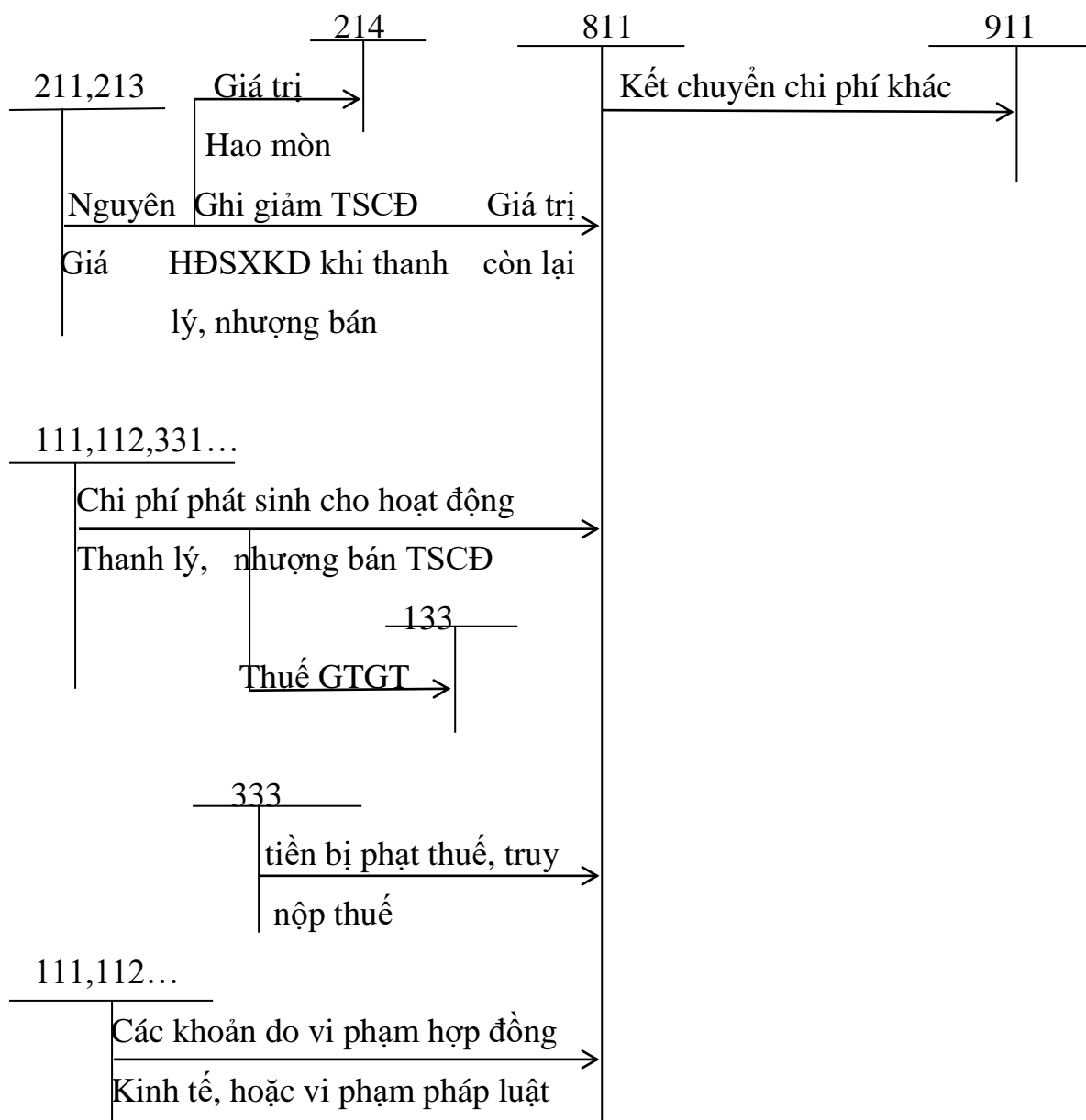
Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí khác vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 811 không có số dư

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Hạch toán thu nhập hoạt động khác



Sơ đồ 1.9: Hạch toán thu nhập hoạt động khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Các phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

TK 911: dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm

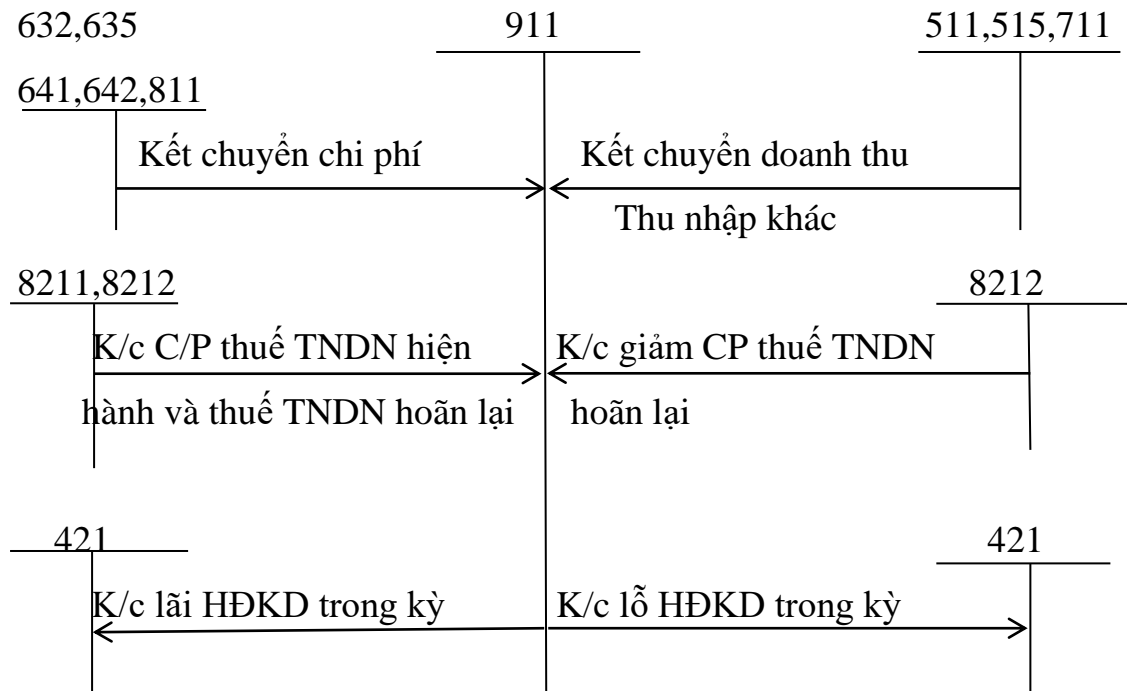
Bên nợ:

- các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính

Bên có:

- Các khoản doanh thu từ hoạt động bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và các thu nhập khác.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: hạch toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh trong

1.2.7. Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán.

Trong kế toán có 4 hình thức kế toán:

- Nhật ký chung
- Nhật ký sổ cái
- Chứng từ ghi sổ
- Kế toán máy

a) Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KHẨU VỊ GIA ĐÌNH

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Xuất phát từ nhu cầu của người tiêu dùng trong ngành phân phối thực phẩm ngày càng cao, ông Tạ Văn Thắng (Giám đốc Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình) đã dựa trên những khảo sát và tìm hiểu thực tế các mặt hàng thực phẩm có mặt trên thị trường. Đó là những mặt hàng được người tiêu dùng ưa chuộng và đón nhận, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đó là tiền đề để thành lập nên Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình mà các hoạt động chủ yếu là phân phối các loại mặt hàng bánh kẹo, sữa của các nhãn hàng có tên tuổi và địa vị trong nền kinh tế Việt Nam như Kinh Đô, Nutifood, Kao, Diana..v.v..

Năm 2010, sau một thời gian tìm hiểu và huy động được nguồn vốn ông Tạ Văn Thắng đã thành lập Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

Khi mới thành lập công ty có số vốn không nhiều, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, số lượng lao động chỉ có 4 người.

Từ đó Công ty đã không ngừng sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, tăng việc làm ăn với các nhãn hàng uy tín trên thị trường, đổi mới phương thức quản lý, giúp Công ty phát triển mạnh hơn, đời sống cán bộ nhân viên ngày càng được nâng cao.

Qua 6 năm thành lập Công ty đã và đang không ngừng lớn mạnh, tăng trưởng về mọi mặt. Tính đến thời điểm này Công ty đã nhận cung cấp bánh kẹo cho rất nhiều đại lý, các công ty, xí nghiệp cũng như các hộ gia đình trên địa bàn Hải Phòng và một vài tỉnh lân cận khác như Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên....

- Tên bằng tiếng việt: Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình
- Tên bằng tiếng anh: HOME TASTE FOOD LIMITED COMPANY
- Tên công ty viết tắt: HT FOOD
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18/C8 đường vòng Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Số điện thoại: 031.3576586
- Mã số thuế: 0201060256

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn chè
- Sản xuất các loại bánh từ bột
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán buôn đồ uống: bán buôn rượu bia
- Khách sạn
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar)
- Bán buôn cà phê
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm động vật hoang dã và động vật quý hiếm)

2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty

- Hoạt động kinh doanh của công ty được diễn ra ở nơi có đông dân cư, có nhiều đại lý – cửa hàng buôn bán, thuận lợi cho những mặt hàng mà công ty đang muốn đưa ra thị trường. Công ty kinh doanh những ngành hàng chủ yếu sau: bánh Kinh Đô, sữa Nutifoos, Dianna, mỹ phẩm Kao. Công ty có trách nhiệm cung cấp những mặt hàng mà khách hàng yêu cầu đến khách hàng thông qua các đại lý bán hàng. Đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như độ an toàn của sản phẩm với khách hàng. Cung cấp quảng bá cho khách hàng những mặt hàng mới bên mình đem lại nhiều lựa chọn cho khách hàng, nâng cao lợi nhuận của công ty.

2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn của công ty.

a. Thuận lợi:

Khi bước vào hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phân phối thực phẩm, Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình đã có những thuận lợi như sau:

Địa điểm giao dịch và phân phối của Công ty đặt tại đường Lâm Hà-chân cầu Niệm-Quận Kiến An-Hải Phòng. Đây là nút thắt giữa trung tâm thành phố và quận Kiến An, điều này đã tạo ra những lợi thế trong việc giao dịch và trao đổi về thông tin kinh tế. Công ty có tư thế chủ động trong việc lựa chọn các hình thức kinh doanh để đáp ứng nhu cầu thị trường một cách tốt hơn.

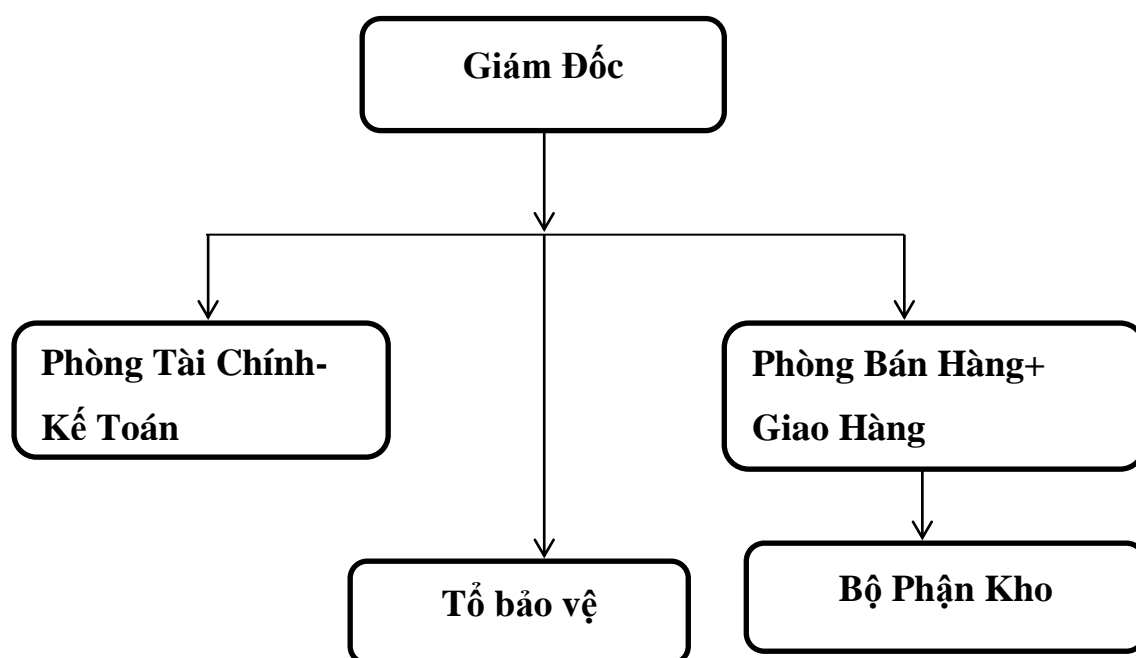
Công ty có một giám đốc-là người có năng lực điều hành và quản lý tốt, có phương pháp cũng như đường lối chiến lược phát triển một cách hiệu quả. Bên cạnh đó là một đội ngũ cán bộ công nhân viên tuy ít nhưng lại có trình độ chuyên môn cao và không ngừng học hỏi để nâng cao tay nghề.

Có thể thấy rằng nền kinh tế Việt Nam đang trên đà đã và đang phát triển cùng hội nhập, chính vì thế mà nhu cầu của con người ngày càng cao. Trước đây nhân dân ta có câu 'Ăn no, mặc ấm' thì ngày nay nhu cầu ấy đã có sự thay đổi 'Ăn ngon, mặc đẹp', song ăn ngon chưa hẳn đã đủ mà ăn ngon còn phải đảm bảo một nguồn dinh dưỡng dồi dào, đạt tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh. Do vậy có thể thấy đây là lợi thế cho Công ty trong việc kinh doanh và phát triển vì bản thân Công ty cũng đã tạo cho mình những thuận lợi nhất định như: Công ty đã có những khách hàng, đối tác quen thuộc như Kinh Đô, Diana, Nutifood, Kao... hơn nữa Công ty luôn giữ vững uy tín trên thị trường, đảm bảo chất lượng của các sản phẩm cung cấp luôn đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

b. Khó khăn:

Công ty bắt đầu đã phải trải qua những khó khăn và sự cạnh tranh gay gắt của những doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành phân phối thực phẩm trên địa bàn Hải Phòng, sự biến động liên tục của giá cả trong nước và câu hỏi làm sao để sản phẩm ra bên ngoài thị trường đạt được chất lượng dịch vụ tốt nhất và tạo niềm tin cho khách hàng một cách tuyệt đối vào Công ty luôn là một bài toán khó. Hơn nữa đội ngũ nhân viên khá ít nên khối lượng làm việc của từng cá nhân cũng khá là cao, áp lực hơn yêu cầu sự tập trung và phải dành thời gian hơn cho công việc.

2.1.5. Cơ cấu tổ chức của công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

❖ Chức năng của mỗi bộ phận:

- Giám Đốc: Có quyền lực cao nhất, quyết định mọi việc và chịu trách nhiệm lãnh đạo.

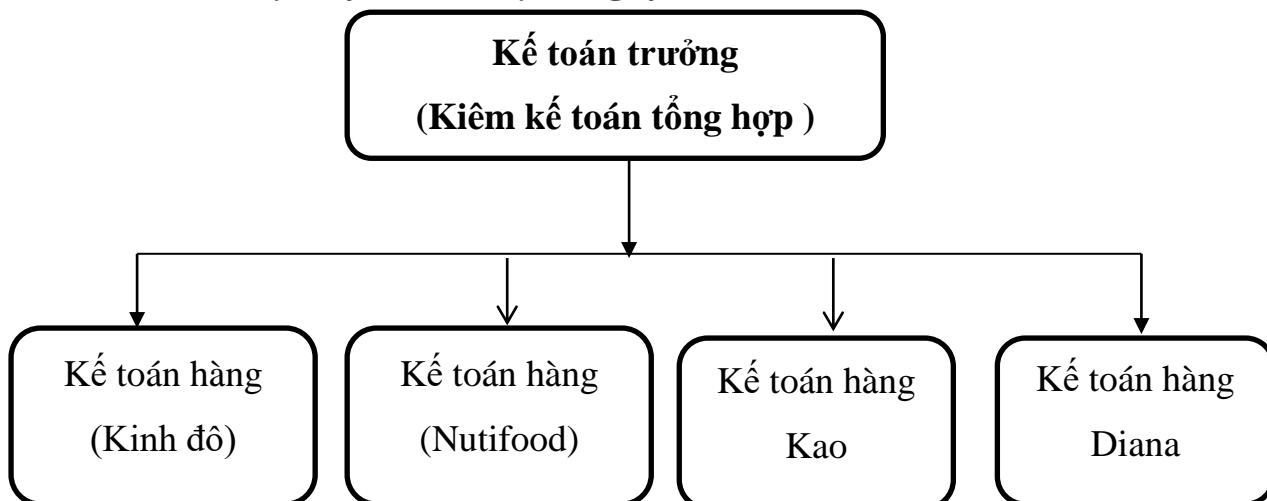
- Phòng tài chính kế toán: bao gồm một kế toán trưởng có trách nhiệm tổng hợp mọi số liệu, quyết toán mọi khoản thu chi, hạch toán, thống kê các hoạt động kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu cho giám đốc thực hiện nghiêm túc về các quy định kế toán tài chính hiện hành. Cung cấp cho giám đốc tình hình tài chính, hiệu quả sử dụng vốn giúp giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, quản lý công tác đầu tư, tiền lương, thưởng, các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động. Ngoài kế toán trưởng còn bao gồm kế toán của 4 nhãn hàng là kế toán của nhãn hàng Kinh Đô, Nutifood, Kao và Diana. Bốn kế toán của từng nhãn hàng có công việc là xử lý thông tin về nhập xuất tồn của từng nhãn hàng rồi kiểm kê và thông báo lại cho kế toán trưởng.

- Phòng bán hàng và giao hàng: Có nhiệm vụ tiến hành tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, trào hàng tại các đại lí lớn và nhỏ, các nhà hàng khách sạn, các hộ gia đình nhỏ lẻ các sản phẩm dịch vụ các nhãn hàng của công ty. Sau đó các điều phối viên của từng nhãn hàng sẽ thu nhập đơn hàng và giao hàng trực tiếp đến khách hàng cũng như đảm bảo quyền lợi và liên hệ với các khách hàng.

- Bộ phận kho: gồm các nhân viên vận chuyển có trách nhiệm nhận và giao hàng dựa trên các đơn hàng do các điều phối viên cung cấp. Tổ chức, quản lý hàng hoá lưu kho, ghi chép, theo dõi việc nhập và xuất hàng hoá tại kho.

- Tổ bảo vệ: Có trách nhiệm trông coi nhà xưởng, nhà xe của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự khu vực của Công ty và an toàn cho cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty

2.1.6. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

- Kế toán trưởng:

Thực hiện các phân hành kế toán, kiểm tra toàn bộ các hoạt động tài chính của công ty, tham mưu cho giám đốc để đưa ra các quyết định hợp lý và chính xác nhất. Cuối kì kế toán, Kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban từ đó lập báo cáo tài chính, xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

- Kế toán nhãn hàng(*Kế toán ngành hàng Diana/Nutifood/Kinh Đô*):

Là kế toán của từng nhãn hàng được yêu cầu thực hiện theo ngành hàng được giao cho có nhiệm vụ theo dõi ghi chép việc nhập xuất hàng hoá của ngành hàng do mỗi kế toán viên phụ trách từng nhãn hàng đảm nhận. Các kế toán viên kiểm tra chứng từ đầu vào, đầu ra và tổng hợp số liệu, hoá đơn, chứng từ của nhãn hàng mình phụ trách rồi thông báo, thống kê báo lại cho kế toán trưởng.

- Kế toán nhãn hàng Kao (Kiêm Thủ quỹ):

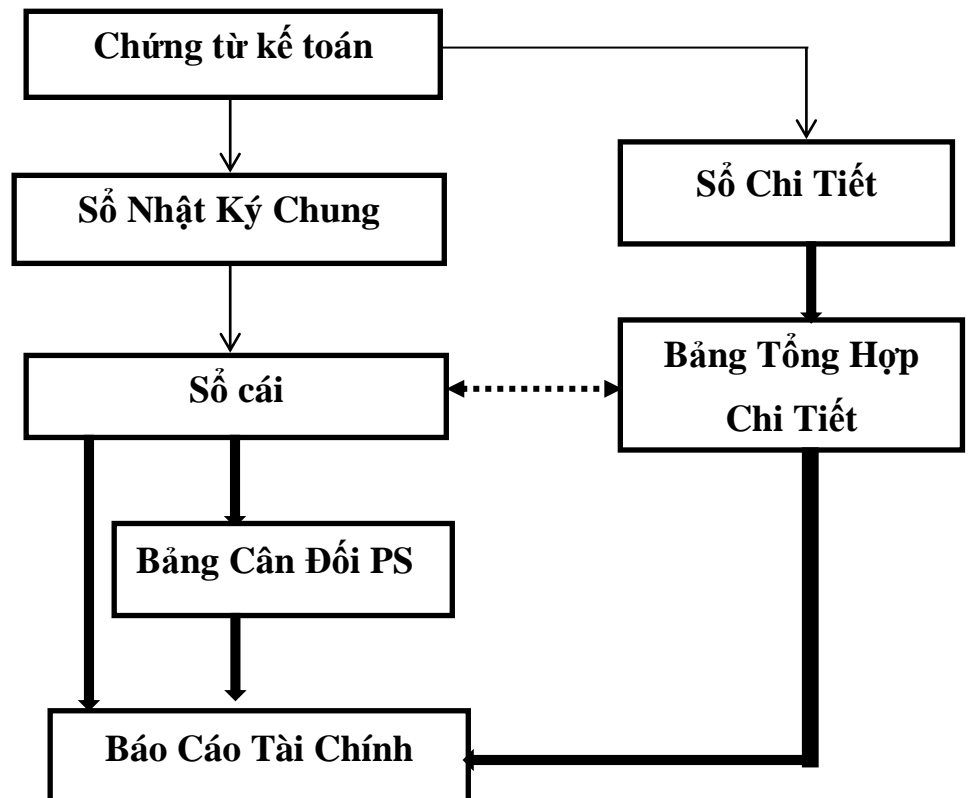
Có công việc và nhiệm vụ như các kế toán ngành hàng ở trên nhưng ngoài ra còn có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu chi bằng tiền của doanh nghiệp, khoá sổ tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu sổ sách, quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

2.1.7. Chế độ và chính sách của công ty

- Công ty áp dụng theo **Quyết định 48/2006/QĐ-BTC** về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 14/09/2006

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước và tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

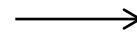
- Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi tiền là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng tiền ngoại tệ sẽ được công ty quy đổi ra đồng Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm quy đổi và phát sinh.
- Hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm
 - Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01- DNN)
 - Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02- DNN)
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03- DNN)



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán tại công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



Quan hệ đối chiếu so sánh:



2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.

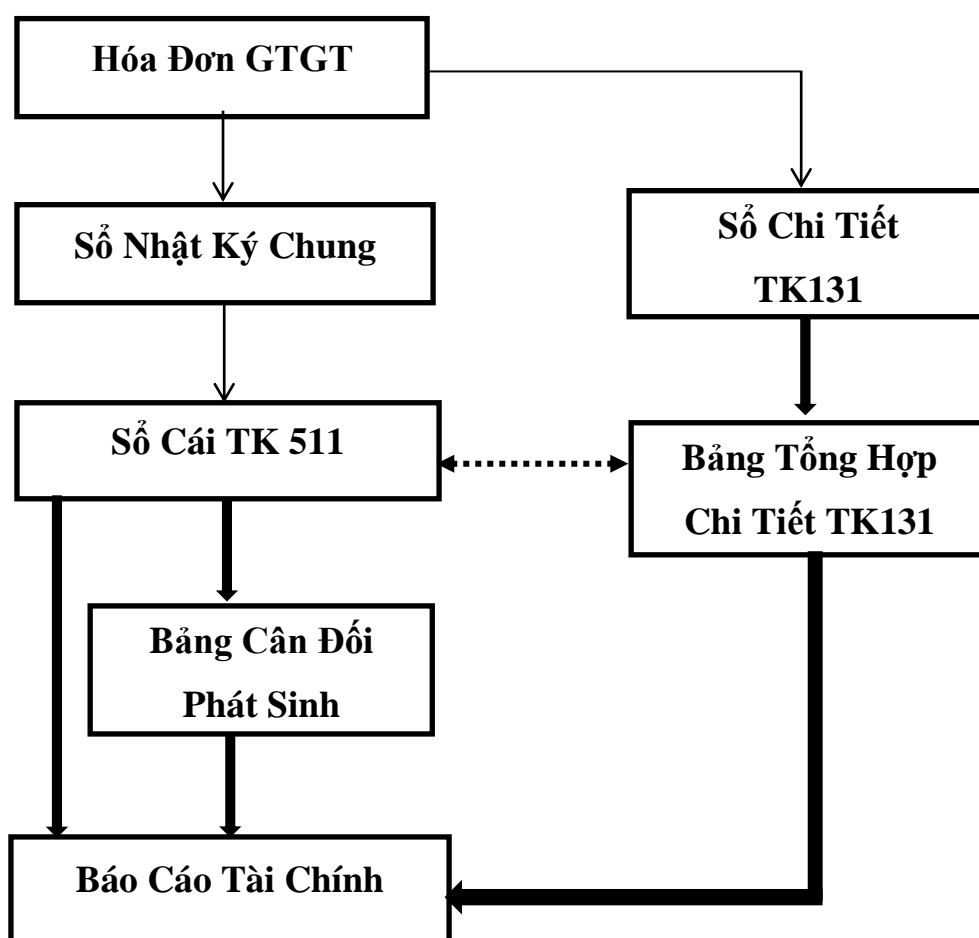
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu thu, giấy báo có...
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản sử dụng

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

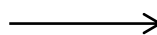
2.2.1.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



Quan hệ đối chiếu so sánh



2.2.1.3. Ví dụ thực tế tại công ty

VD1: Ngày 01/07/2015 xuất hàng Kinh đô bán cho công ty Kaiyang chưa thu tiền hàng với giá thanh toán chưa có thuế 10% là: 114.556.000. Hóa đơn GTGT số 0002945. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131: 126.011.600

Có TK 511: 114.556.000

Có TK 3331: 11.455.600

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ
Ngày 01/07/2015

Mẫu số: 01 GTKT3/001
Ký hiệu: AA/14P
Số: 0002945

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế: 0201060256

Số điện thoại: 031.3576586

Số tài khoản: Tại ngân hàng Viettinbank – CN Ngô Quyền

Họ tên người nhận hàng: Bích Hương

Tên đơn vị: Công ty Kaiyang

Địa chỉ: Quán Toan – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Cosy Marie 450grx12goi	Thùng	270	37.200	10.044.000
2	Cosy Marie 600gx8tui	Thùng	220	47.650	10.483.000
3	Cosy Marie 400gx10hop	Thùng	280	34.500	9.660.000
4	Cosy que 160gx24goi choco	Thùng	312	18.000	5.616.000
5	Bánh bò vị dừa 450gx10t	Thùng	280	36.000	10.080.000
6	Bánh BL cuộn kem vị dâu(18gx20caix12khay)	Thùng	200	38.000	7.600.000
7	AFC Rau Cải 300gx14tui	Thùng	154	33.000	5.082.000
8	AFC Rau cải 600gx8tui	Thùng	220	47.650	10.483.000
9	Cosy Marie 160x24	Thùng	250	25.000	6.250.000
10	Bánh bò vị vani 600gx8	Thùng	300	41.500	12.450.000
11	Bánh trứng nướng 182grx12tui	Thùng	386	28.00	10.808.000
12	Bánh mỳ tươi nhân socola 40gx10caix6tui	Thùng	400	40.000	16.000.000
Cộng tiền hàng					114.556.000
Thuế GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT 11.455.600
Tổng cộng tiền hàng thanh toán					126.011.600

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu không trăm mười một nghìn sáu trăm đồng.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

VD2: Ngày 14/7/2015: Công ty bán cho công ty TNHH Liên Doanh DLQTHP hàng Nutifood với giá thanh toán chưa thuế GTGT10% là 50.020.000. Hóa đơn GTGT số 0002986. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131: 59.970.394

Có TK 511: 54.518.540

Có TK 3331: 5.451.854

Từ Hóa Đơn GTGT(biểu số 2.1 cho VD1) và hóa đơn GTGT (biểu số 2.2 cho VD2) kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.3), sau đó vào sổ cái tài khoản 511 (biểu số 2.4) và tài khoản 131 (biểu số 2.5). Vào sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.6) và bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 131 (biểu số 2.7)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ
Ngày 14/07/2015

Mẫu số: 01 GTKT3/001
Ký hiệu: AA/14P
Số: 0002986

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế: 0201060256

Số điện thoại: 031.3576586

Số tài khoản: Tại ngân hàng Viettinbank – CN Ngô Quyền

Họ tên người nhận hàng: Đào Ngọc Thu

Tên đơn vị: Công ty TNHH Liên Doanh DLQTHP

Địa chỉ: Văn Cao, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Enplus Gold 900g	Thùng	4	2.800.000	11.200.000
2	Diabecare Gold 900g	Thùng	6	1.290.000	7.740.000
3	Nuti IQ Gold step2 900g	Thùng	12	745.275	8.943.300
4	Nuti sữa tiệt trùng 220ml	Thùng	60	105.156	6.309.360
5	Nuvita có đường 110ml	Thùng	24	390.840	9.380.160
6	Sữa nước Nuvita có đường 110ml	Thùng	36	110.140	3.965.040
7	GrowPlus tăng cân 900g	Thùng	10	698.068	6.980.680
Cộng tiền hàng					54.518.540
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT	5.451.854
Tổng cộng tiền hàng thanh toán					59.970.394
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn ba trăm chín mươi tư đồng.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.3: Sổ nhật ký chung

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
....
01/07	HĐ 2945	01/7	Bán hàng cho Công ty Kaiyang	131 511 3331	126.011.600	114.556.000 11.455.600
....
14/07	HĐ 2986	14/7	Bán cho công ty Liên doanh DL THP	131 511 3331	59.970.394	54.518.540 5.451.854
....
20/07	GBC 001	20/7	Khách hàng trả tiền hàng mua ngày 25/6	111 131	200.000.000	200.000.000
....
			Cộng chuyển trang sau			
....
			Tổng cộng		481.406.624.899	481.406.624.899

- Số này có Trang, đánh số từ 01 đến trang

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015
 Giám Đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Sổ cái TK 511

Cty TNHH thực phẩm khâu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHT	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			-
.....
HD2945	01/07	Xuất bán hàng kinh đô chưa thu tiền	131		114.556.000
.....	
HD2986	14/07	Bán hàng sữa nuti cho công ty Liên doanh DLQTHP	131		54.518.540
.....
HD3082	26/07	Bán hàng Diana cho cửa hàng Minh Tâm	131		150.556.000
PKT 108	31/12	K/c doanh thu năm 2015	911	57.653.474.164	
		Cộng số phát sinh		57.653.474.164	57.653.474.164
		Số dư cuối kỳ			-

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK131

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng

Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		111.863.520	
				
HĐ2945	01/07	Bán hàng cho công ty Kaiyang	511 3331	114.556.000 11.455.600	
.....
HĐ2986	14/07	Bán hàng cho công ty Liên doanh DLQTHP	511 3331	54.518.540 5.451.854	
	
	
		Cộng số phát sinh		20.979.423.513	20.885.526.793
		Số dư cuối kỳ		205.760.240	

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6.1: Sổ chi tiết TK131

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng công ty Kai yang

(Trích tháng 07/ 2015)

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHT K	PHÁT SINH		SỐ DƯ	
Số hiệu	NT			NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
		Số dư đầu kỳ				0	
HĐ2945	01/07	Bán hàng kinh đô cho công ty	511 3331	114.556.000 11.455.600		144.556.000 126.011.600	
.....
HĐ2975	10/07	Bán hàng Kao cho công ty	511 3331	75.900.000 7.590.000		251.911.600 259.501.600	
			
GBC002	18/07	Công ty trả tiền hàng ngày 01/07	112		126.011.600	150.490.000	
			
		Cộng số phát sinh		558.212.000	485.400.000		
		Số dư cuối kỳ				72.812.000	

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.6.2: Sổ chi tiết TK131

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng
 Đối tượng công ty Liên doanh DLQTHP
 (Trích tháng 07/ 2015)

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHT K	PHÁT SINH		SỐ DƯ	
Số hiệu	NT			NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
		Số dư đầu kỳ				152.300.050	
HĐ 2986	14/07	Bán hàng nutifood cho công ty	511 3331	54.518.540 5.451.854		206.818.590 212.270.444	
.....
HĐ 3024	20/07	Bán hàng kinh đô cho công ty	511 3331	107.378.770 10.737.877		819.649.214 830.387.091	
			
GBC 001	30/07	Công ty trả tiền hàng	112		1.225.011.513	57.011.513	
		Cộng số phát sinh		1.130.089.563	1.225.011.513		
		Số dư cuối kỳ				57.378.050	

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tháng 7/2015

S T T	Diễn Giải	Dư đầu kỳ		Số phát sinh		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty vận tải biển			545.732.000	315.800.000	229.932.000	
2	Cty Kaiyang			558.212.000	485.400.000	72.818.000	
3	Cty liên doanh DLQTHP	152.300.050		1.130.089.563	1.225.011.513	57.378.050	
4	Cty Kinh đô			84.580.092		84.580.092	
5
6	Cty Global	200.129.600		460.173.960	489.397.211	170.906.349	
...
12	Cty intemex	50.760.240		107.378.775	130.000.000	28.139.015	
Tổng		1.150.889.840		2.950.423.596	2.979.319.627	1.121.993.809	

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty

2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

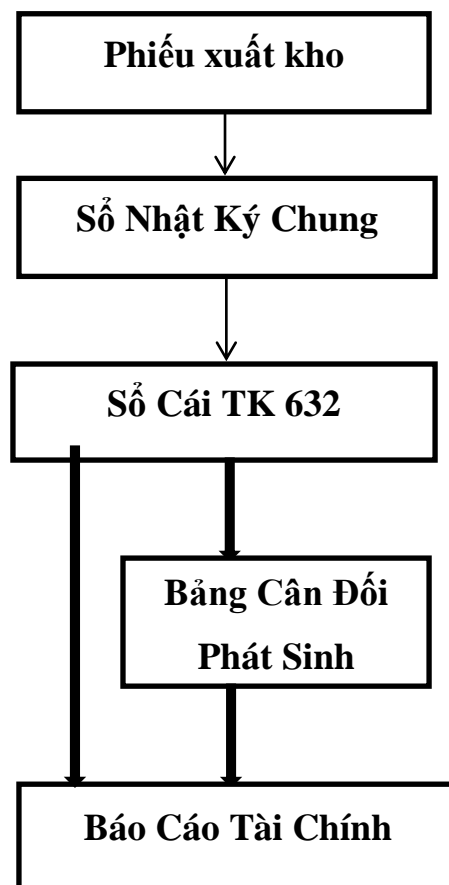
- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu xuất kho
- Tài khoản sử dụng
 - TK 632: Giá vốn hàng bán

Công ty tính giá vốn hàng xuất bán theo phương pháp nhập trước-xuất trước(FIFO)

Kế toán theo dõi hàng xuất bán về mặt số lượng nhập, xuất, cuối tháng dựa vào Bảng tổng hợp nhập xuất tồn, kế toán tổng hợp kiểm tra đối chiếu số lượng thực nhập, thực xuất có khớp đúng không.

Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán:

2.2.2.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.2.3. Ví dụ thực tế tại công ty

VD3: Ngày 01/07/2015 xuất hàng Kinh đô bán cho công ty Kaiyang chưa thu tiền hàng. Phiếu xuất kho số BHK1925. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 632: 112.013.940

Có TK 156: 112.013.940

Công ty áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp nhập trước xuất trước.

- *Minh họa cách tính giá vốn cho một mặt hàng các mặt hàng khác tương tự:*

Tồn đầu kỳ bánh quy Cosy Marie

Số lượng: 270 thùng – Đơn giá: 36.560

Nhập ngày 02/7: 1500 thùng – Đơn giá: 36.560

Xuất kho: 270 thùng

=> Cách tính giá vốn: $270 \times 36.560 = 9.871.200$

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia
 Đình
 Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02 – VT
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 07 năm 2015
 Số: BHK1925

- Họ tên người nhận hàng: Bích Hương
- Đơn vị: Công ty Kaiyang
- Lý do xuất: Bán hàng kinh đô

ST T	Tên vật tư (hàng hóa)	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Cosy bánh quy Marie 450gx12goi	Thùng		270	36.560	9.871.200
2	Cosy bánh quy Marie 600gx8tui	Thùng		220	46.800	10.296.000
3	Cosy bánh quy Marie 400gx10hop	Thùng		280	33.800	9.464.000
4	Cosy que 160gx24goi choco	Thùng		312	17.200	5.366.400
5	Bánh bò vị dứa 450gx10t	Thùng		280	35.330	9.892.400
6	Bánh BL cuộn kem vị dâu(18gx20caix12kha y)	Thùng		200	37.400	7.480.000
7	AFC DD Rau Cải 300gx14tui	Thùng		154	32.100	4.943.400
8	AFC DD Rau Cải 600gx8tui	Thùng		220	46.870	10.311.400
9	Cosy Marie 160x24	Thùng		250	24.000	6.000.000
10	Bánh bò vị vani 600gx8	Thùng		300	40.000	12.000.000
11	Bánh trứng nướng 182grx12tui	Thùng		386	27.490	10.611.140
12	Bánh mỳ tươi nhân socola 40gx10caix6tui	Thùng		400	39.445	15.778.000
	Cộng	x	x	x	x	112.013.940

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Một trăm mười hai triệu không trăm mười ba nghìn chín trăm bốn mươi đồng.

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

VD4: Ngày 14/07 xuất kho bán cho công ty Liên doanh DLQTHP với trị giá kho hàng là 52.230.256. Hóa đơn gtgt số BHK1965. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 632: 52.230.256

Có TK 156: 52.230.256

- Minh họa cách tính giá vốn cho một mặt hàng các mặt hàng khác tương tự
Tồn đầu kỳ sữa Enplus Gold

Số lượng: 2 thùng – Đơn giá: 2.790.015

Nhập ngày 08/07: Số lượng 300 – Đơn giá 2.790.015

=> Cách tính giá vốn: $2 \times 2.790.015 + 2 \times 2.790.015 = 11.160.060$

Từ phiếu xuất kho (biểu số 2.8 cho vd3) và phiếu xuất kho (biểu số 2.9 cho vd4) kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.10) sau đó sổ cái TK 632 (biểu số 2.11)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia
 Đình
 Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02 – VT
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 07 năm 2015
 Số: BHK1965

- Họ tên người nhận hàng: Đào Ngọc Thu- Công ty Liên doanh DLQTHP
- Lý do xuất: Bán hàng Nutifood
- Xuất tại kho: Kho Nutifood

ST T	Tên vật tư (hàng hóa)	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Enplus Gold 900g	Thùng	4		2.790.015	11.160.060
2	Diabecare Gold 900g	Thùng	6		1.200.000	7.200.000
3	Nuti IQ Gold step2 900g	Thùng	12		735.475	8.825.700
4	Nuti sữa tiệt trùng 220ml	Thùng	60		92.790	5.567.400
5	Nuvita có đường 110ml	Thùng	24		380.018	9.120.432
6	Sữa nước Nuvita có đường 110ml	Thùng	36		98.754	3.555.144
7	GrowPlus tăng cân 900g	Thùng	10		680.152	6.801.520
	Cộng	x	x	x	x	52.230.256

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Năm mươi hai triệu hai trăm ba mươi nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Sổ nhật ký chung

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
....
01/7	PXK 1925	01/7	Xuất kho hàng kinh đô cho công ty Kaiyang	632 156	112.013.940	112.013.940
....
14/7	PXK 1965	14/7	XK hàng nutifood cho c.ty Liên doanh DLQTHP	632 156	52.230.256	52.230.256
....
			Cộng chuyển trang sau			
....
			Tổng cộng		481.406.624.899	481.406.624.899

- Số này có... trang, đánh số từ 01 đến trang

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015
Giám Đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632

Cty TNHH khâu vị thực phẩm Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
 Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	
....				
BHK1925	01/07	Xuất cho công ty Kaiyang	156	112.013.940	
...				
BHK1965	14/07	Xuất cho công ty Liên doanh DLQTHP	156	52.230.256	
.....				
PKT 109	31/12	K/c giá vốn năm 2015	911		57.067.359.587
		Cộng số phát sinh		57.067.359.587	57.067.359.587
		Số dư cuối kỳ		-	

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

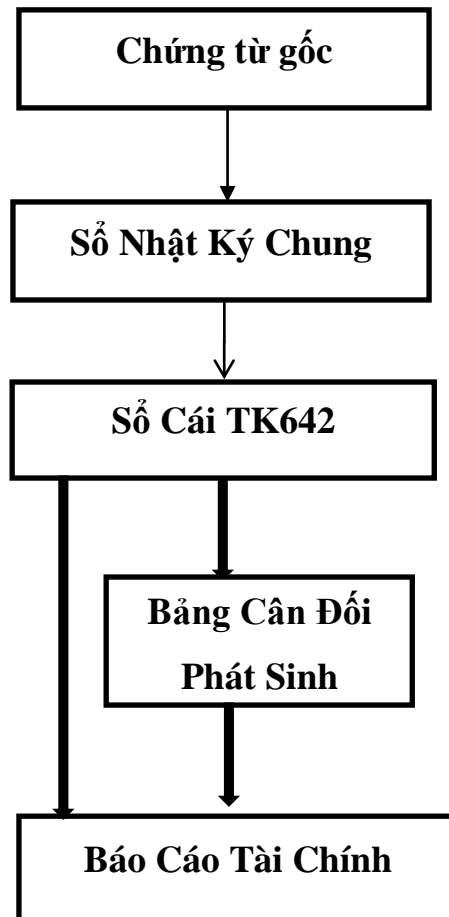
Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng
 - Phiếu xuất kho
 - Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, bảng thanh toán hàng đại lý
 - Thẻ quầy hàng, giấy nộp tiền, bảng kê nhận hàng và thanh toán hàng ngày
 - Phiếu thu, giấy báo có
 - Bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH, bảng phân bổ tiền lương – BHXH để phản ánh chi phí về nhân viên quản lý.
 - Bảng phân bổ vật liệu – công cụ dụng cụ, phiếu xuất kho... để phản ánh chi phí về vật liệu, công cụ xuất dùng cho quản lý.
 - Bảng trích khấu hao TSCĐ: để phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý
 - Các hóa đơn dịch vụ, phiếu chi, giấy báo nợ... để phản ánh các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài hay chi khác bằng tiền
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 642: chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:
 - +) Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng
 - +) Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

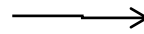
2.2.3.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



2.2.3.3. Ví dụ thực tế tại công ty

VD5: Ngày 8/7 công ty thay đồ dung văn phòng phẩm (bút, tẩy, kẹp sổ...) cho văn phòng từ hiệu sách Tiền Phong với tổng hóa đơn là 1.777.500. Hóa đơn GTGT số 001723. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642: 1.777.500

Nợ TK 131: 177.750

Có TK 111: 1.955.250

Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 08/07/2015

Mẫu số: 01 GTKT3/001

Ký hiệu: AA/15P

Số: 001723

Đơn vị bán hàng: Hiệu sách Tiên Phong

Địa chỉ: Lê Chân – Hải Phòng

Mã số thuế:

Số điện thoại: 031.3250276

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

Địa chỉ: Vạn Mỹ - Ngô Quyền- Hải Phòng

Mã số thuế: 0201060256

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Bút bi Thiên Long mực xanh	Hộp	3	25.000	75.000
2	Bút bi Thiên Long mực đen	Hộp	3	25.000	75.000
3	Bút xóa Thiên Long	Cái	5	18.000	90.000
4	Kẹp ghim	Hộp	15	10.500	157.500
5	Kẹp bìa sổ kế toán	Cái	5	20.000	100.000
6	Tẩy	Cái	5	6.000	30.000
7	Giấy A4	Tờ	2.500	500	1.250.000
Cộng tiền hàng					1.777.500
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		177.750
Tổng cộng tiền hàng thanh toán					1.955.250
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu chín trăm năm mươi năm nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 08/07/2015

Quyển số: ...04

Số 171

TK ghi nợ 6422

TK ghi có 111

Người nhận tiền: Nguyễn Thùy Dương- Văn Phòng

Địa chỉ : Hải Phòng

Lý do : Mua đồ dung văn phòng phẩm

Số tiền: 1.777.500

Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày.....//

Ngày 08 tháng 07 năm 2015

**Thủ trưởng đơn
vị**
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

**Kế toán thanh
toán**
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

VD6: Ngày 5/7 công ty thanh toán tiền điện tháng 6 với giá trị thanh toán gồm thuế GTGT 10% là: 3.273.512. Hóa đơn GTGT số 0409615. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642: 2.975.920

Nợ TK 133: 297.592

Có TK 111: 3.273.512

Từ hóa đơn GTGT (biểu số 2.12 cho vd5) và hóa đơn tiền điện (biểu số 2.14 cho vd6) kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.15) và sổ cái (biểu số 2.16)

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT (Tiền Điện)

Hóa Đơn GTGT (Tiền Điện)
 Liên 2: Giao cho khách hàng
 Kỳ 2: Từ ngày 02/06/2015 Đến ngày 02/07/2015

Mẫu số 01/GTKT2/001
 Ký hiệu: UB/13T
 Số: 0409615

CN Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Phòng: Điện lực Ngô Quyền
 Địa chỉ: 285 – Vạn Mỹ – Ngô Quyền – Hải Phòng
 Tên khách hàng: Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình
 Địa chỉ: 18/C8 Đường Vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng
 Điện Thoại: 031.3576586 MST: 0201060256 Số công tơ: 850112

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	20474	18314		2000	1.350	2.700.000
				100	1.545	154.500
				50	1.947	97.350
				10	2.407	24.070
Ngày 05 Tháng 07 năm 2015 Bên Bán Điện (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)						
Đinh Xuân Bút			Cộng	2160		2.975.920
			Thuế suất GTGT: 10% GTGT		Thuế	297.592
			Tổng cộng tiền thanh toán			3.273.512
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm mười hai đồng						

Biểu số 2.15: Sổ nhật ký chung

Cty TNHH thực phẩm khâu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
....
08/7	HĐ 001172 3	08/7	Mua đồ văn phòng phẩm tt bằng tiền mặt	642 133 111	1.777.500 177.750	1.955.250
....
05/7	HĐ 409615	05/7	Thanh toán tiền điện tháng 6	642 133 111	2.975.920 297.592	3.273.512
....
			Cộng chuyển trang sau			
....
			Tổng cộng		481.406.624.899	481.406.624.899

- Sổ này có Trang, đánh số từ 01 đến trang
- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015
 Giám Đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.16: Sổ cái TK642

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh
 Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	
PC135	01/07	Đổ dầu xe 1,4 tấn	111	700.000	
				
HĐ0011723	08/07	Mua đồ văn phòng phẩm tt bằng TM	111	1.777.500	
	
HĐ409615	05/07	Thanh toán tiền điện tháng 6	111	3.273.512	
.....
PKT109	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh năm 2015			1.619.805.077
		Cộng số phát sinh		1.619.805.077	1.619.805.077
		Số dư cuối kỳ		-	

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty.

2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty

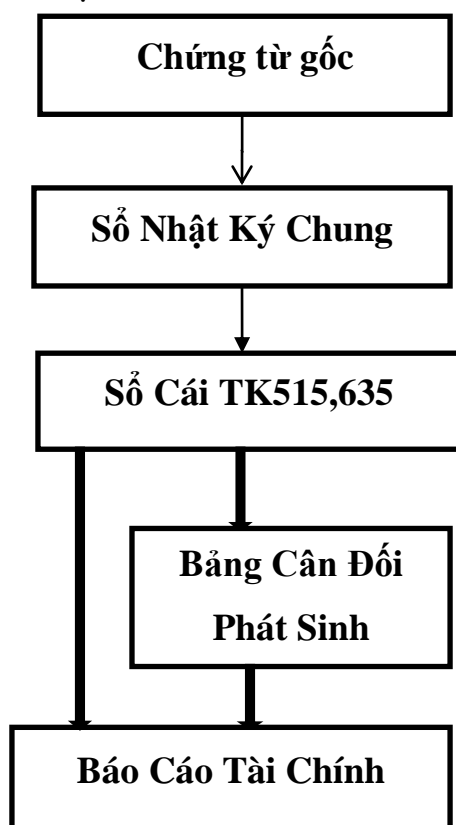
- Doanh thu hoạt động tài chính: Tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình doanh thu hoạt động tài chính thường là những khoản lãi thu được từ ngân hàng khi công ty nộp tiền vào ngân hàng.

- Chi phí hoạt động tài chính: là số tiền lãi công ty phải chi trả cho ngân hàng khi công ty vay tiền từ ngân hàng để hoạt động kinh doanh.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Doanh thu hoạt động tài chính
 - +) Phiếu thu
 - +) Giấy báo có
 - Chi phí hoạt động tài chính
 - +) Phiếu chi
 - +) Giấy báo nợ
- Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.3. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.4.4. Ví dụ thực tế tại công ty

VD7: Ngày 25/07 công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng Viettinbank thông báo về tiền lãi gửi vào ngân hàng trong tháng 7 với số tiền lãi là 552.781,9 đồng. Giấy báo có số 002. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 552.781,9

Có TK 511: 552.781,9

Biểu số 2.17: Giấy Báo Có

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
VIETINBANK NGÔ QUYỀN

Kính gửi : CTY TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Số hiệu 003

Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền Hải Phòng

Số tài khoản: 102010001761768

Mã số thuế: 0201060256

Loại tiền: VND

Số ID khách hàng: 20628300

Số bút toán hạch toán:

Ngày 25/07/2015

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Nhận lãi từ khoản tiền gửi vào ngân hàng trong tháng 7	552.781,9
Tổng số tiền	552.781,9

Số tiền bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi một phẩy chín đồng chẵn.

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

VD8: Ngày 30/07 công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng thông báo về việc trả tiền lãi vay ngân hàng quý 2 với số tiền là 23.158.621 đồng. Giấy báo nợ số 002. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 23.158.621

Có TK 112: 23.158.621

Từ giấy báo có (biểu số 2.17 cho vd7) và giấy báo nợ (biểu số 2.18 cho vd8) kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.19) sau đó vào sổ cái tài khoản 515 (biểu số 2.20) và sổ cái 635 (biểu số 2.21)

Biểu số 2.18: Giấy Báo Nợ

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
VIETINBANK NGÔ QUYỀN

Kính gửi : CTY TNHH thực phẩm khâu vị Gia Đình Số hiệu 003
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền Hải Phòng Số tài khoản: 102010001761768
Mã số thuế: 0201060256 Loại tiền: VND
Số ID khách hàng: 20628300 Số bút toán hạch toán:

Ngày 30/07/2015

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi khoản tiền vay ngân hàng quý 2	23.158.621
Tổng số tiền	23.158.621

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi một đồng chẵn.

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Sổ nhật ký chung

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
....
25/7	GBC 002	25/7	Nhận tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng tháng 7	112 515	552.781,9	552.781,9
30/7	GBN 003	30/7	Trả lãi cho ngân hàng quý 2	635 112	23.158.621	23.158.621
.....
			Cộng chuyển trang sau			
....
			Tổng cộng		481.406.624.899	481.406.624.899

- Sổ này có Trang, đánh số từ 01 đến trang
- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015
 Giám Đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Sổ cái TK515

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			-
....
GBC 002	25/07	Nhận lãi ngân hàng tháng 7	112		552.781,9
	
PKT 108	31/12	Kết chuyển sang TK 911		6.633.383	
		Cộng số phát sinh		6.633.383	6.633.383
		Số dư đầu kỳ			-

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Sổ cái TK635

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính
 Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	
....
GBN 003	30/07	Trả tiền lãi ngân hàng quý 2	112	23.158.621	
	
PKT 109	31/12	Kết chuyển sang TK 911			92.634.485
		Cộng số phát sinh		92.634.485	92.634.485
		Số dư cuối kỳ		-	

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

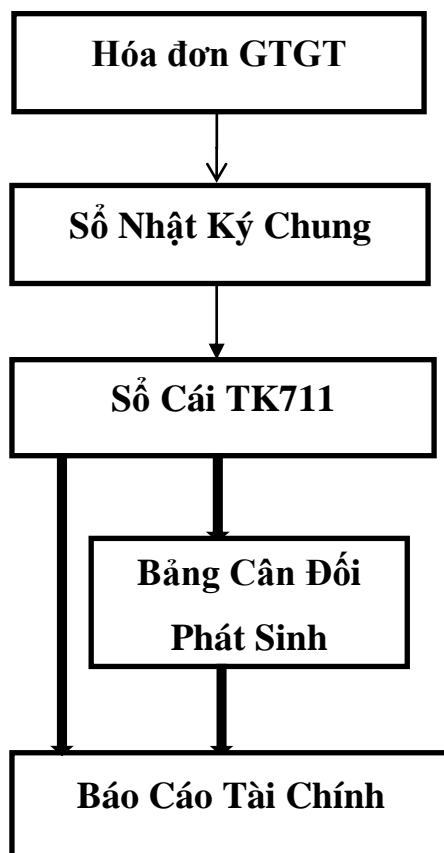
Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng và tài khoản ngân hàng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT/Hóa đơn bán hàng
 - Biên bản vi phạm hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng
 - Quyết định thanh lý/nhượng bán TSCĐ
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - TK711: Thu nhập hoạt động khác

2.2.5.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí hoạt động khác

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.5.3. Ví dụ thực tế tại công ty

VD9: Ngày 12/07 công ty thanh lý một xe tải 1,5 tấn với nguyên giá là 300.000.000 đồng và đã khấu hao hết. Thu tiền bằng chuyển khoản cả thuế gtgt 10% là 110.000.000 đồng. Kế toán định khoản như sau:

+)*Nợ* TK 112: 110.000.000

Có TK 711: 100.000.000

Có TK 3331: 10.000.000

+) Nợ TK 214: 300.000.000

Có TK 211: 300.000.000

Từ biên bản thanh lý (biểu số 2.22) và hóa đơn gtgt (biểu số 2.23) kế toán vào sổ nhập ký chung (biểu số 2.24) và sổ cái TK 711 (biểu số 2.25)

Biểu số 2.22: Biên Bản Thanh Lý TSCĐ

Đơn vị: Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu

Vị Gia Đình

Bộ Phận: Phòng Kế Toán

Mẫu số 02 – TSCĐ

(Ban hành theo Quyết định số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 12 Tháng 07 Năm 2015

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Căn cứ Quyết định số:..... Ngày.....Tháng.....Năm.....Của.....
về việc thanh lý TSCĐ

I- Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông/Bà: Tạ Văn Thắng

Chức vụ: Giám Đốc

Trưởng ban thanh lý

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Dương

Chức vụ: Kế toán

Ủy viên

II- Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe tải 1,5 tấn

- Số hiệu TSCĐ:

- Nước sản xuất: Trung Quốc

- Năm sản xuất 2009

- Năm đưa vào sử dụng: 2010

- Nguyên giá TSCĐ: 300.000.000

- Giá trị hao mòn tính đến thời điểm thanh lý: 300.000.000

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 0

III- Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Tài sản cố định vẫn còn có thể sử dụng được

IV- Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý:..... (viết bằng chữ)

- Giá trị thu hồi: 100.000.000 (viết bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn)

- Đã ghi giảm TSCĐ ngày 12 tháng 07 năm 2015

Ngày 12 Tháng -07 Năm 2015

Giám Đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Kế Toán Trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23: Hóa đơn GTGT

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ
Ngày 12/07/2015

Mẫu số: 01 GTKT3/001
Ký hiệu: AA/15P
Số: 0002978

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

Địa chỉ: Vạn Mỹ- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mã số thuế: 0201060256

Số điện thoại: 031.3576586

Số tài khoản: Ngân hàng Viettinbank – CN Ngô Quyền

Họ tên người mua hàng: Công ty Kinh Đô Miền Bắc

Địa chỉ: Gia Lộc – Hải Dương

Mã số thuế:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Xe tải 1,5 tấn	Chiếc	1	100.000.000	100.000.000
Cộng tiền hàng					100.000.000
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		10.000.000
Tổng cộng tiền hàng thanh toán					110.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng chẵn					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24: Sổ nhật ký chung

Cty TNHH thực phẩm khâu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
12/07	2978	12/7	Thanh lý xe tải 1,5 tấn	112 133 711	100.000.000 10.000.000	110.000.000
....
25/7	GBC 004	25/7	Khách hàng trả tiền hàng	112 131	30.000.000	30.000.000
....
			Cộng chuyển trang sau			
....
			Tổng cộng		481.406.624.899	481.406.624.899

- Số này có Trang, đánh số từ 01 đến trang
- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015
 Giám Đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Sổ cái TK711

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 711: Thu nhập hoạt động khác
 Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			-
....
BBTL	12/07	Thanh lý xe tải 1,5 tấn	112		100.000.000
	
	31/12	Kết chuyển sang TK 911		1.189.048.496	
		Cộng số phát sinh		1.189.048.496	1.189.048.496
		Số dư cuối kỳ			-

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình

2.2.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Các phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
 - Các tài khoản liên quan khác như 821, 3334...

2.2.6.2. Quy trình hạch toán hạch toán

Cuối kỳ, từ số liệu sổ cái của các tài khoản và soor sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó từ các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kế toán vào sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái các tài khoản 911, 821, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập bảng cân đối số phát sinh và từ đó lập báo cáo tài chính.

2.2.6.3. Ví dụ thực tế tại công ty

VD10: Xác định kết quả kinh doanh năm 2015

- Doanh thu thuần: 57.653.474.164
- Doanh thu hoạt động tài chính: 6.633.383
- Thu nhập hoạt động khác: 1.189.048.496
- Giá vốn: 57.067.359.587
- Chi phí hoạt động tài chính: 92.634.485
- Chi phí quản lý kinh doanh: 1.619.805.077

Kết quả kinh doanh = (57.653.474.164 + 6.633.383 + 1.189.048.496) – (57.067.359.587 + 92.634.485 + 1.619.805.077) = 69.356.894

Thuế TNDN = 69.356.894 x 20% = 13.871.379

Lợi nhuận sau thuế = 69.356.894 – 13.871.379 = 55.485.515

=> Trong năm 2015 doanh nghiệp kinh doanh lãi: 55.485.515

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán (biểu số 2.26, 2.27, 2.28, 2.29, 2.30)

Từ phiếu kế toán vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.31) sau đó vào sổ cái tài khoản 911 (biểu số 2.32).

Cuối kỳ từ sổ cái và các sổ liên quan lập bảng báo cáo kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.26: Phiếu Kế Toán

Công ty TNHH Thực Phẩm khẩu Vị Gia Đình
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 108

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2015	511	911	57.653.474.164
2	K/c doanh thu hoạt động tài chính năm 2015	515	911	6.633.383
3	K/c thu nhập hoạt động khác năm 2015	711	911	1.189.048.496
	Cộng			58.849.156.043

Số tiền viết bằng chữ: **Năm mươi tám tỉ tám trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi ba đồng .**

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2014
Giám Đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu Kế Toán

Công ty TNHH Thực Phẩm khẩu Vị Gia Đình
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 109

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/c giá vốn bán hàng năm 2015	911	632	57.067.359.587
2	K/c chi phí tài chính năm 2015	911	635	92.634.485
3	K/c chi phí quản lý kinh doanh năm 2015	911	642	1.619.805.077
	Cộng			58.779.799.149

Số tiền viết bằng chữ: **Năm mươi tám tỉ bảy trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn một trăm bốn mươi chín đồng.**

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2014
Giám Đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Phiếu Kế Toán

Công ty TNHH Thực Phẩm khẩu Vị Gia Đình
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 110

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Hạch toán thuế TNDN	821	3334	13.871.379
	Cộng			13.871.379

Số tiền viết bằng chữ: **Mười ba triệu tám trăm bảy mươi một triệu ba trăm bảy mươi chín đồng.**

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2014
Giám Đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29: Phiếu Kế Toán

Công ty TNHH Thực Phẩm khẩu Vị Gia Đình
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 111

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	13.871.379
	Cộng			13.871.379

Số tiền viết bằng chữ: **Mười ba triệu tám trăm bảy mươi một triệu ba trăm bảy mươi chín đồng.**

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2014
Giám Đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Phiếu Kế Toán

Công ty TNHH Thực Phẩm khẩu Vị Gia Đình
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 112

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi	911	421	55.485.515
	Cộng			55.485.515

Số tiền viết bằng chữ: **Năm mươi năm triệu bốn trăm tám mươi năm nghìn năm trăm mười lăm đồng.**

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2014
Giám Đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31: Sổ nhật ký chung

Cty TNHH thực phẩm khâu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
.....
.....
31/12	PKT 108	31/12	K/c doanh thu và thu nhập khác	511 515 711 911	57.653.474.164 6.633.383 1.189.048.496	58.849.156.043
31/12	PKT 109	31/12	K/c chi phí	911 632 635 642	58.779.799.149	57.067.359.587 92.634.485 1.619.805.077
31/12	PKT 110	31/12	Hạch toán thuế TNDN	821 3334	13.871.379	13.871.379
31/12	PKT 111	31/12	K/c thuế TNDN	911 821	13.871.379	13.871.379
31/12	PKT 112	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911 421	55.485.515	55.485.515
			Tổng cộng		467.408.012.037	467.408.012.037

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015
 Giám Đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.32: Sổ cái TK 911

Đơn vị: Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 911
Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
PKT 108	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		57.653.474.164
PKT 108	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		6.633.383
PKT 108	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		1.189.048.496
PKT 109	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	57.067.359.587	
PKT 109	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	92.634.485	
PKT 109	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	642	1.619.805.077	
PKT 111	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	13.871.379	
PKT 112	31/12	Kết chuyển lãi sau thuế	421	55.485.515	
		Cộng phát sinh		58.849.156.043	58.849.156.043

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29: Sổ cái TK 421

Đơn vị: Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 421
Năm 2015

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			91.050.003
		Kết chuyển lãi	911		55.485.515
		Số dư cuối kỳ			146.535.518

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Cty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia

Mẫu số B02 – DNN

Đình

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		57.653.474.164	51.192.727.512
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		57.653.474.164	51.192.727.512
4. Giá vốn hàng bán	11		57.067.359.587	50.545.993.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		586.114.577	646.734.062
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.633.383	2.583.790
7. Chi phí tài chính	22		92.634.485.	71.858.326
<i>Trong đó : chi phí lãi vay</i>				0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.619.805.077	1.377.888.512
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(1.119.691.602)	(800.428.986)
10. Thu nhập khác	31		1.189.048.496	927.126.979
11. Chi phí khác	32		0	68.782.381
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.189.048.496	858.344.598
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	69.356.894	57.915.612
14. Chi phí thuế TNDN	51		13.871.379	11.683.122
15. LN sau thuế TNDN (60=50-51)			55.485.515	46.332.490

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2016
Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KHẨU VỊ GIA ĐÌNH.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.

Trong môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển các doanh nghiệp nhà nước phải nỗ lực hơn bằng chính năng lực của mình trong đó công tác kế toán là quan trọng nhất. Vì vậy để đạt được điều này thì bộ máy kế toán của công ty càng phải được củng cố và hoàn thiện. Tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình bộ máy kế toán là một trợ giúp đắc lực giúp cho giám đốc công ty có những chính sách hợp lý đem lại sự ổn định và phát triển cho công ty. Bộ máy kế toán đã không ngừng cải tổ để nâng cao hiệu quả lao động cũng như luôn cố gắng đưa ra những số liệu chính xác, phản ánh kịp thời và dung tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển công ty. Qua thời gian được thực tập tại công ty, bằng sự quan sát và tìm hiểu của mình tuy hăng còn nhiều hạn chế nhưng với kiến thức đã học em xin đưa ra một số nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.

✚ Về bộ máy quản lý

Tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu vị Gia Đình thì bộ máy quản lý được thực hiện một cách hợp lý và khoa học. Các phòng ban được phối hợp với nhau thành một bộ máy hoạt động hiệu quả tiết kiệm được nhiều chi phí. Phòng làm việc của nhân viên, bảo vệ cũng như kho hàng được bố trí hợp lý giúp cho nhân viên trong công ty có thể giao lưu, kết hợp với nhau, không có sự công kênh về bộ máy quản lý đem lại một hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh tại công ty.

✚ Về bộ máy kế toán

- Công ty có đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, có trình độ nghiệp vụ, sử dụng thành thạo vi tính làm việc luôn có tinh thần trách nhiệm cao và phối hợp với nhau để mang lại sự hiệu quả cao nhất trong công việc.

- Nhân viên kế toán thì luôn đề cao trách nhiệm cũng như tính tự giác giác cao đem lại năng suất làm việc hiệu quả. Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình có một kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp là người phụ trách kiểm tra, xem xét và kí duyệt sổ sách, chứng từ mà kế toán ngành hàng báo cáo lên, còn lại các kế toán ngành hàng (Diana/Kinh Đô/Nutifood) sẽ có trách nhiệm đảm nhiệm việc nhập xuất tồn của các mặt hàng liên quan đến nhãn hàng mà mình phụ trách, tổng hợp lại và thông báo cho kế toán trưởng. Ngoài ra kế toán ngành hàng Kao có công việc như các kế toán các ngành hàng còn lại nhưng đảm nhiệm thêm nhiệm vụ Thủ quỹ của Công ty. Chính việc phân chia từng ngành hàng cho mỗi kế toán giúp cho mỗi kế toán viên đều có trách nhiệm với công việc của mình. Đây chính

là sự thành công của công ty trong việc sử dụng nhân sự một cách hợp lý và đem lại hiệu quả cao trong công việc.

- Công ty luôn cử các cán bộ nhân viên trong phòng Tài chính-kế toán đi học tập và nắm bắt các chính sách mới do Bộ đề ra.

✚ Về chính sách, chế độ kế toán

Tại Công ty TNHH Thực phẩm Khẩu vị Gia Đình thì sổ sách, các chứng từ kế toán được tổ chức hợp lệ, hợp pháp, đầy đủ theo quy định của Bộ Tài chính. Việc sử dụng tài khoản kế toán tại Công ty được các kế toán viên áp dụng đúng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC.

✚ Về hình thức kế toán và công tác hạch toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “nhật ký chung” với ưu điểm: dễ hiểu, dễ ghi, dễ áp dụng, phát hiện sai sót phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty. Sổ sách được mở và ghi chép đầy đủ, kịp thời, đảm bảo được tính thống nhất về phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng.

✚ Về hệ thống báo cáo tài chính

- Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đúng chế độ và chuẩn mực quy định. Báo cáo tài chính được lập kịp thời và chính xác. Kế toán xác định các chỉ tiêu cụ thể trên bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được lập theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/09/2006.

- Kế toán hạch toán doanh thu, chi phí một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời giúp cho việc lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được nhanh, gọn, hiệu quả.

- Việc lập và trình bày các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ đúng theo yêu cầu và 6 nguyên tắc được quy định tại ‘Chuẩn mực kế toán số 21-Trình bày báo cáo tài chính ban hành ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính’.

✚ Về phương pháp hạch toán tính giá vốn

- Công ty áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước để tính trị giá hàng xuất kho, áp dụng phương pháp này thì hàng được mua trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua ở thời điểm cuối kỳ.

- Phương pháp này giúp cho công ty có thể tính được trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Tquanrias vốn của hàng xuất kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chi tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

3.1.2. Hạn chế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.

✚ Về hệ thống chứng từ.

- Công ty TNHH THực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình là công ty chuyên về hàng bánh kẹo, sữa cũng như một số mặt hàng thiết yếu khác. Công ty liên kết với một số công ty lớn, mở rộng địa bàn hoạt động sang các tỉnh lân cận như Hải Dương,

Hung Yên... Vì vậy công ty luôn phải nhập một số lượng hàng hóa và giao đi thường xuyên làm cho hệ thống chứng từ của công ty lớn.

- Ngoài ra công ty chưa lập sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn. Điều đó sẽ gây khó khăn trong việc theo dõi và xác định lãi lỗ của các mặt hàng kinh doanh cũng như sẽ làm cho Giám đốc khó đưa ra quyết định đúng đắn cho hoạt động kinh doanh của công ty.

✚ Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Thực tế hiện nay tại công ty nhiều khách hàng thường sử dụng hình thức thanh toán là nợ và chấp nhận thanh toán, mặt khác khách hàng của công ty thường ở những tỉnh khác có khoảng cách khá xa về địa lý, nhiều trường hợp khách hàng vì một lý do nào đó mà chậm hoặc không thanh toán. Việc công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ làm tăng độ rủi ro cho công ty nếu như không thu được tiền.

✚ Về việc lập sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh

Trong quá trình bán hàng và hoạt động kinh doanh công ty sẽ phát sinh các chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Công ty chỉ dừng ở việc lập sổ nhật ký chung và sổ cái chứ không có sổ chi tiết. Điều này cần phải khắc phục vì nếu có sổ chi tiết ta sẽ dễ theo dõi hơn các chi phí đã phát sinh trong kỳ.

✚ Về hình thức kế toán máy

Công ty tuy là công ty nhỏ nhưng số lượng hàng hóa phải xử lý hàng ngày và khối lượng hóa đơn trong ngày rất nhiều, các mặt hàng bán kẹo lại rất đa dạng, có nhiều mã hàng nên việc quản lý rất khó khăn. Công ty mới chỉ sử dụng phần mềm excel cũng như ghi chép thủ công các nghiệp vụ phát sinh, điều đó dẫn đến việc lập lại chứng từ các nghiệp vụ dễ xảy ra hơn, khó quản lý hơn và phải phụ thuộc rất nhiều đến trình độ tay nghề cũng như năng lực của kế toán viên.

Vì vậy mà Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy để đáp ứng được những nhu cầu và khắc phục những khó khăn trên để việc quản lý sổ sách, các chứng từ được quy hoạch một cách cụ thể hơn, hợp lý, dễ kiểm tra, xác minh

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình.

Dựa trên những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình cũng như vận dụng kiến thức đã học và được các thầy cô chỉ dạy, em xin nêu ra một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình như sau:

3.2.1. Ý kiến thứ nhất : Công ty nên lập sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn của từng mặt hàng

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi doanh thu, giá vốn hàng bán để dễ xác định lãi lỗ của từng mặt hàng, việc mở sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp Giám đốc công ty xác định được lãi lỗ của từng mặt hàng để từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn nên tăng mặt hàng nào và giảm mặt hàng nào để đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

=> Mẫu sổ chi tiết bán hàng (biểu số 3.1) và sổ chi tiết giá vốn hàng bán (biểu số 3.2)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị :

Địa chỉ :

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211,5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngàytháng năm.....
Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị :

Địa chỉ :

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Tài khoản:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu	Ngày tháng	Diễn Giải	TK đối ứng	Giá vốn		
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E			
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
						
			Cộng số phát sinh trong kỳ				
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi

- Quỹ dự phòng có thể giảm các thiệt hại xuống mức thấp nhất. Mặt khác, quỹ dự phòng còn tạo lập cho công ty một quỹ tiền tệ để đủ sức khắc phục trước các thiệt hại có thể xảy ra trong kinh doanh.

- Công ty nên lập dự phòng cho từng khoản nợ có khả năng khó đòi

- Căn cứ để ghi nhận là khoản nợ phải thu khó đòi:

+) Nợ phải thu đã quá hạn từ 2 năm trở lên, kể từ ngày đến hạn thu nợ được ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được nợ.

+) Trong trường hợp chưa tới 2 năm nhưng con nợ đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản hoặc có dấu hiệu khác như bỏ trốn hoặc đang bị cơ quan pháp luật giam giữ, xét xử... thì cũng ghi nhận là khoản nợ khó đòi.

- Phương pháp lập dự phòng:

+) Trên cơ sở những đối tượng và điều kiện lập dự phòng về nợ phải thu khó đòi như đã trình bày ở trên, công ty phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ phải thu khó đòi.

+) Sau khi lập dự phòng công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp

+) Mức lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi tối đa không quá 20% tổng số dư nợ phải thu của công ty tại thời điểm 31/12 hàng năm và đảm bảo công ty không bị lỗ.

- Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi) kế toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập

Bảng trích lập dự phòng phải thu khó đòi (biểu số 3.3)

Biểu số 3.3: Bảng trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Tên khách hàng	Tổng số nợ phải thu	% nợ phải thu khó đòi ước tính	Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi
Tổng cộng			

3.2.3. Ý kiến thứ ba: Lập sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh

Trong kỳ công ty có phát sinh các chi phí cần chi cho bán hàng cũng như quản lý doanh nghiệp. Việc lập sổ chi tiết sẽ mang lại hiệu quả trong quá trình theo dõi và quản lý về các chi phí đã phát sinh.

Biểu số 3.4: Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị :

Mẫu số S18-DNN

Địa chỉ :

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ KINH DOANH

- Tài khoản:
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
								
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK...						
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.4. Ý kiến thứ tư: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy

- Hiện tại Công ty vẫn đang dùng phần mềm Exel trên máy tính để tính toán và nhập số liệu, với cách làm thủ công này và với sổ sách và chứng từ lớn thì cách làm này tốn kém rất nhiều thời gian và kém hiệu quả. Vì vậy, Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy để tiết kiệm thời gian và năng suất làm việc đem lại hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

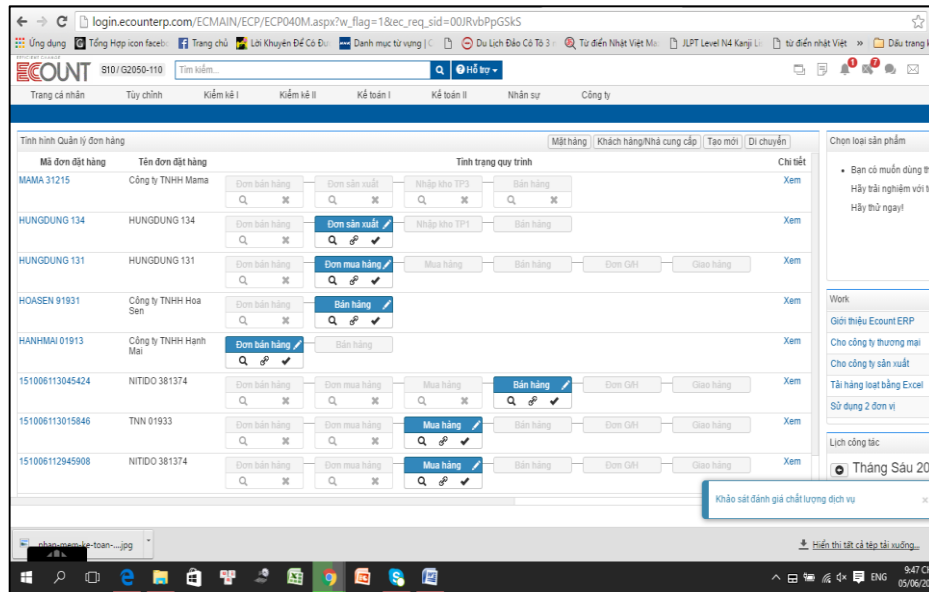
- Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán chuyên nghiệp như MISA, SMART, ECOUNT, Fast Acouting, Adsoft...v.v....

a) Phần mềm kế toán MISA SME.NET.2015 MISA SME.NET.2015

- Đây là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp.
- Phần mềm này tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.
- Phần mềm sử dụng công nghệ Microsoft.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server Express, MISA SME.NET 2015 luôn đảm bảo an toàn bảo mật. Đặc biệt, việc sử dụng nghệ hiện đại nhất giúp cho tốc độ in chứng từ, báo cáo nhanh gấp 3 lần so với các sản phẩm trước. Đây là một trong những sản phẩm đầu tiên ở Việt Nam cho phép đối tượng thủ quỹ, thủ kho tham gia vào phần mềm ngoài kế toán, giúp tiết kiệm hơn 50% thời gian công việc của thủ quỹ, thủ kho.
- Tự động sao lưu dữ liệu sau mỗi phiên làm việc, dễ dàng khôi phục lại dữ liệu khi có sự cố xảy ra, dữ liệu kế toán luôn được an toàn khi có sự thay đổi nhân sự kế toán.



b) Phần mềm kế toán máy ECOUNT



Là phần mềm kế toán đăng nhập trực tuyến online chỉ cần đăng nhập bằng tài khoản đã đăng kí, dễ dàng sử dụng , truy cập mọi lúc, mọi nơi, thanh toán theo tháng bằng chi phí thấp, và không có chi phí bảo trì và nâng cấp, không những thế còn hỗ trợ đa ngôn ngữ như Anh, Hàn, Nhật,..v.v...

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Bộ phận kế toán nói chung với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế tài chính trong doanh nghiệp trong đó công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vị trí hết sức quan trọng. Nó cung cấp số liệu kịp thời cho các nhà quản lý doanh nghiệp về tình hình kinh doanh cũng như phản ánh kịp thời đầy đủ kết quả cuối cùng của doanh nghiệp phục vụ đắc lực cho việc quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau một thời gian thực tập tìm hiểu công tác kế toán tại công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình em đã phần nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức kế toán trong một doanh nghiệp và với đề tài “ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh” tại công ty em đã hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Luận văn đã khái quát quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Hy vọng với những ý kiến đóng góp của em sẽ mở ra những phương hướng mới cho công tác kế toán cũng như hoạt động kinh doanh tại công ty được hiệu quả hơn.

Do thời gian thực tập chưa nhiều nên các vấn đề đưa ra trong chuyên đề chưa có tính khái quát cao, việc giải quyết chưa hẳn thấu đáo và không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô giáo cũng như các anh chị cán bộ trong công ty để chuyên đề của em được tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa Quản trị Kinh Doanh đặc biệt là thầy giáo hướng dẫn TH.S Phạm Văn Tường, các anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình đã hướng dẫn giúp đỡ em hoàn thành bài luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn